

HỌC - VIỆN QUỐC - GIA HÀNH - CHÁNH

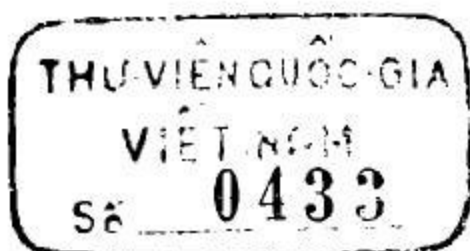
Luận - Văn Cốt - Nghiệp

sự đóng góp của

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

vào

VẤN ĐỀ AN NINH TẠI AN GIANG

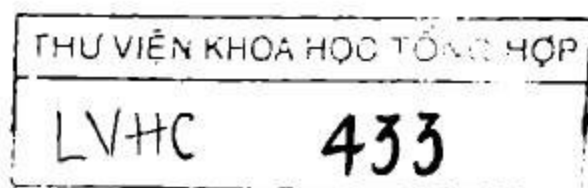


GIÁO SƯ HƯƠNG DẪN
NGUYỄN - QUỐC - TRỊ
Viện Trưởng H. V. Q. G. H. C.

Sinh - viên **NGUYỄN - ĐỨC - PHÚC**

ĐỐC SỰ XVIII

70 - 78



" Học Viện Quốc Gia Hành Chính
không làm thành cũng không phản đối
những ý kiến phát biểu trong Luận bàn.
Những ý kiến đi do tác giả hoàn toàn
chịu trách nhiệm "

CHÂN THÀNH CẢM TẠ

Giáo Sư NGUYỄN QUỐC TRỊ
VIỆN TRƯỞNG HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

*đã nhận lời đỡ đầu và tận tình hướng dẫn để hoàn thành
luận văn tốt nghiệp này .*

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Ông ĐỒ QUÝ SÁNG
Phụ tá Viện Trưởng
Học Viện Quốc Gia Hành Chánh

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG DẪN CHÚNG TÔI HOÀN THÀNH LUẬN VĂN NÀY .

XIN GỎI ĐẾN

- Quý vị giới chức có thâm quyền trong giáo hội Phật Giáo Hòa Hảo.
- Quý vị giới chức Hành chánh, Quân sự, của Tỉnh AN GIANG .
- Tất cả các dịch giả, tác giả các bài khảo luận và tác phẩm đã được tham khảo và trích dẫn .
- Tất cả các bạn hữu thân mến đã khuyến khích giúp đỡ tài liệu và ý kiến ,

LÔNG THÀNH THỰC BIẾT ƠN CỦA TÔI .

PHẦN BÀI

PHẦN DẪN NHẬP	ĐỊNH NGHĨA DANH TỬ AN NINH ĐƯA RA CÁC QUAN NIỆM VỀ AN NINH	1
PHẦN THỨ NHẤT	MỘT Ý NIỆM KHÁI QUÁT VỀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO .	
CHƯƠNG MỘT	NGUỒN GỐC SỰ THÀNH LẬP PHẬT GIÁO HÒA HẢO .	3
	MỤC I GIAI ĐOẠN TIỀN KHAI SÁNG PHẬT GIÁO HÒA HẢO .	13
	Đoạn 1 Thời kỳ thành lập Bửu Sơn Kỳ Hương	14
	Đoạn 2 Thời kỳ hoằng đạo	16
	MỤC II GIAI ĐOẠN KHAI SÁNG PHẬT GIÁO HÒA HẢO	17
	Đoạn 1 Thời kỳ truyền bá đạo pháp	18
	Đoạn 2 Thời kỳ chuyên hướng đấu tranh	19
CHƯƠNG HAI	DIỄN TIẾN HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI	22
	MỤC I SỰ PHÂN HÓA CỦA BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG	23
	Đoạn A Ban Trị sự nhiệm kỳ I	24
	Đoạn B Ban xử lý thường vụ 1967	26
	Đoạn C Hai ban Trị sự nhiệm kỳ II	27
	- 1/ nhóm 11 tỉnh miền tây	
	- 2/ nhóm Ông Lương Trọng Tường	
	Đoạn D Ban xử lý thường vụ 1968	28
	Đoạn E Ban Trị sự nhiệm kỳ III	29
	MỤC II TRANH CHẤP TRONG NỘI BỘ DÂN XÃ ĐẢNG	30
	Đoạn 1 Thành lập Dân Xã Đảng	30
	Đoạn 2 Thời kỳ phân hoá	31
	- A/ Hệ phái ba sao	
	- B/ Hệ phái chủ Vạn	

	Đoạn 3 Thời kỳ thống nhất	34
	- A/ Sự thống nhất hệ phái	
	- B/ Việt Nam dân chủ xã hội tăng thống nhất	
PHẦN THỨ HAI	MÔ TẢ TÌNH HÌNH AN NINH TẠI AN GIANG VÀ GIẢI THÍCH SỰ ĐÓNG GÓP CỦA PGHH .	
CHƯƠNG MỘT	MÔ TẢ TÌNH HÌNH AN NINH TẠI AN GIANG	37
	MỤC I TÌNH HÌNH AN NINH QUA CÁC YẾU TỐ THIÊN NHIÊN .	38
	Đoạn 1 Yếu tố địa thế	38
	Đoạn 2 Yếu tố tài nguyên thiên nhiên	40
	Đoạn 3 Yếu tố nhân dân	42
	MỤC II TÌNH HÌNH AN NINH QUA CÁC NỐ LỰC CỦA CHÍNH QUYỀN .	45
	Đoạn 1 Mô tả tình hình an ninh qua lãnh vực quân sự	45
	Đoạn 2 Tình hình an ninh qua sự ổn định chính trị	50
	Đoạn 3 Tình hình an ninh qua sự thi hành luật pháp	51
CHƯƠNG HAI	GIẢI THÍCH SỰ ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO HOÀ HẢO .	54
	MỤC I SỰ ĐÓNG GÓP DỰA TRÊN LÝ THUYẾT	56
	Đoạn 1 PGHH khuyến khích phát triển kinh tế	57
	Đoạn 2 Sự thi hành luật pháp quốc dân	60
	MỤC II ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ	62
	Đoạn 1 Sự thay đổi lập trường trong các giai đoạn	62
	Đoạn 2 Ảnh hưởng cá nhân và sự tham gia vào guồng máy chính quyền địa phương	65
	- A/ Ảnh hưởng cá nhân	
	- B/ Sự tham gia vào guồng máy chính quyền địa phương.	

x

MỤC LỜI NHẬN DẪN VÀ CÔNG CUỘC ĐẢO VỆ AN NINH	69
Chương 1 Sự kết hợp dưới các tổ chức	69
Chương 2 Sự đoàn kết tự nguyện	74
PHẦN TỔNG KẾT	78

dàn nhập

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Danh-từ "an-ninh" của Việt-Nam tương đương với chữ "security" của tiếng Anh và "Sécurité" của Pháp Ngữ. Cả hai đều chỉ sự bảo vệ, bảo đảm và lòng tin cậy.

An-ninh còn được định nghĩa theo lối chiết tự của Trung - Hoa bởi chữ An (安) do hai bộ

- (宀) Miên là mái nhà ở trên.
- (女) Nữ là con gái ở phía dưới.

Như vậy theo từ ngữ của Trung-Hoa thì "an" chỉ sự yên ổn được ví như người con gái được đặt dưới sự bảo vệ và kiểm soát của gia đình (mái nhà). Ngoài ra chúng ta còn thấy một thành ngữ quen thuộc tại Việt Nam "An cư lạc nghiệp" yên ở vui nghề, chỉ tâm quan trọng của dân để an ninh trong việc phát triển kinh tế quốc gia.

Theo như định nghĩa, thì từ ngữ "an ninh" có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. An ninh có thể được hiểu là việc đứng quân đội trong lãnh vực chống ngoại xâm. Hay có thể được hiểu là việc giữ trật tự công cộng. Đối với một số quốc gia an ninh lại có thể được hiểu là phát triển kinh tế, ổn định chính trị nâng cao mức sống nhân dân.

Chúng ta, trong bối cảnh nước ta hiện tại, không thể nhìn an ninh dưới một khía cạnh duy nhất nào, mà cần có một cái nhìn tổng hợp.

Tuy nhiên, trên phương diện nghiên-cứu, để có thể tìm hiểu sâu rộng những đóng góp của FGDK vào sự cấu thành nên cơ sở tổng quát của địa phương. Tại thời chúng ta đặt vấn đề dưới một khía cạnh chủ yếu như sau :

- a) Kinh tế'
- b) Nhân dân
- c) Bảo vệ lãnh thổ
- d) Chấp hành luật pháp
- e) Ổn định chính trị

A) Trong lãnh vực kinh tế :

Đối với một địa phương, nếu sự phát triển của nền kinh tế có một ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến tình hình cơ sở chung. Về tổ kinh tế của địa phương bao gồm hai lãnh vực chính :

1.- Tài nguyên thiên nhiên.

Với một quốc gia, sự phồn thịnh về kinh tế chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố phức tạp như Học vị thường, kỹ nghệ, ảnh hưởng chính trị v.v... Nhưng đối với một địa phương như FGDK, thì sự trù phú của đất đai, các nguồn lợi của sông ngòi cũng như là những tài nguyên thiên nhiên góp phần không nhỏ tạo dựng nên sự phồn thịnh của địa phương. Sự phồn thịnh liên hệ cho mức sống dân chúng được nâng cao, dân chúng được hữu sản hóa sẽ khó có thể bị Cộng-sản lừa dối gạt và quấy nhiễu.

An-Giang nằm trên khu vực đồng bằng sông Cửu-Long và Cửu-Giang, rất thuận lợi cho việc trồng trọt, cây cày. Tuy nhiên một điểm bất lợi là ruộng thấp, vì vậy cần đến một hệ thống sông đào chằng chịt để thoát nước. Hệ thống sông ngòi này đã đem lại cho An-Giang một nguồn lợi thiên nhiên về nài-nghiệp và các phó sản của nó. Với một số tài nguyên thiên nhiên dồi dào sẵn có, An-Giang cần phải

được đầy mạnh và khuyến khích phát triển kinh tế hơn nữa mới có thể nâng cao cuộc sống dân lên cao hơn.

2.- Cố gắng phát triển.

Sự cố gắng phát triển phát sinh từ quan niệm của bản của người dân địa phương. Đại diện Nam Việt-Nam (nói chung) An-Giang (nói riêng) dân chúng thường ỷ lại vào các ưu đãi và thiên nhiên đã dành cho họ. Hầu như đa số dân chúng đều cung quan niệm làm vừa đủ ăn hay đủ để chút ít để phòng hồ. Niềm ci nghi đến chuyển chuyển môn hóa sản xuất hay đầu tư nhiều để tạo sự phát triển kinh tế.

Trong khi cũng đất nước Mỹ-GIANG nên tận lực khai thác (bằng các kỹ thuật tân tiến) có thể nuôi nổi cả Miền Nam Việt - Nam này. Thì người lại dân chúng An-Giang cho đến ngày nay vẫn giữ mãi việc trồng lúa sạ (*) hay bắt lực nước những mùa nước lớn, tận phú hoa màu xây ra theo một chu kỳ nhất định.

Học từ ngày nay, nhiều phương sách, kế hoạch được đặt ra để phát triển kinh tế địa phương, như cơ khí hóa, chọn giống tốt, phương pháp trồng lúa Trời Hồng v.v... Những ưu đãi chính là làm thế nào để phá vỡ được quan niệm ỷ lại vào sự ưu đãi của thiên nhiên đã ăn sâu vào đầu óc dân chúng.

Tóm lại, sự trù phú và phát triển về kinh tế là một lợi khi để chống lại chủ thuyết Cộng-Sản. Nhưng khó mà phá bỏ được những thành kiến đã in sâu vào dân chúng, vì vậy mặc dầu tài nguyên phong phú nhưng nền kinh tế vẫn chưa được phát triển đúng mức, dầu rằng từ lâu An-Giang vẫn được coi là một trong những tỉnh trù phú nhất của

(*) Một giống lúa nguyên gốc từ Cambodge được du nhập vào các tỉnh Miền Nam nhất là các vùng ngập nước. Loại lúa này tăng trưởng theo mực nước gia tăng, chỉ cần gieo mà không cần cấy.

Việt-Liên.

Một yếu tố phát triển kinh tế cũng có thể tạo thành nền an ninh nhưng chưa có thể tạo sự an bình hoàn toàn. Các-jiang cần phải có một số các điều kiện khác để hỗ trợ cho tình trạng kinh tế mới có thể tạo dựng một tình hình an ninh như hiện có.

3) Nhân dân :

Nhân dân thường là những đóng góp lớn lao trong mọi lãnh vực hoạt-dộng. Tuy theo thành phần dân-dân, trình độ dân-trí, chúng ta thấy vẫn đề an-ninh địa phương đã được trình phân-nhị quyết định khá mạnh. Như vậy quan niệm về an-ninh có thể nhận dưới một khía cạnh khác là thành phần và trình độ dân-dân.

1.- Trình độ dân-trí

Trình độ kiến thức của đa số nhân dân ảnh hưởng khá nhiều đến sinh hoạt của một tập thể, xã hội v.v...

Trong một tập thể có trình độ học vấn cao, tập thể đó sẽ dễ phát triển hơn, vì dân chúng ý thức được bổn phận và quyền lợi mình trong tập thể, dân chúng dễ dàng tiếp thu những kỹ thuật mới. Chấp hành luật pháp nghiêm chỉnh hơn. Điển hình cho ta thấy là Học-Kỹ là một quốc gia tân lập, nhưng bao gồm nhiều phân tử ưu tú đã phát triển về mọi mặt hơn hẳn Trung-Hoa, một quốc gia có một nền văn minh đã nổi tiếng một thời. Phong trào Tây Du của Việt-Liên dưới triều các Vua nhà Nguyễn đã cho ta thấy tầm quan trọng của trình độ dân-trí trong một địa phương.

2.- Thành phần dân chúng

(a) Khả năng sản xuất :

Trên phương diện kinh tế, nếu một địa phương mà số người có khả năng sản xuất nhiều hơn số người hưởng thụ thì kinh - tế

để phát triển, tăng về lãnh vực an-ninh, Thành phần sản xuất (theo kinh tế) thường là những người trẻ, có sức mạnh, những hạng người này đóng góp tích cực nhất qua các việc gia nhập quân đội, tham gia những công cuộc bảo vệ thôn xóm. Tại Việt-Nam ngày xưa, dưới chế độ xã thôn tự trị, các trưởng đình là những người dân trẻ tuổi đã đảm nhiệm công tác tuần phòng trong cả đêm lẫn ngày để bảo vệ an ninh chung cho xóm làng.

(b) Tín ngưỡng :

Tại Việt-Nam, tín ngưỡng từ lâu đã đóng một vai trò khá quan trọng trong việc củng cố nền an-ninh và phát triển kinh tế. Một tôn giáo, với chủ trương nhập thế hành đạo rất nhiên như hướng phải khác với một tôn giáo với chủ trương cứu rỗi nhân loại qua đường hướng tu hành xuất gia. Thiên Chúa Giáo đã sản xuất bao nhiêu nhân tài chỉ vì sự mặc nhiên công nhận trình độ học thức của các nhà tu khi thụ phong linh mục. Biết bao nhiêu nhà sư đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chống xâm lăng trong lịch sử nước ta. Trong hiện tình đất nước, sự hiện hữu của các tôn giáo đã là một sự đề kháng với chủ trương vô thần của người Cộng-sản. Giáo lý của một vài tôn giáo chống cộng tích cực đã giúp ích khá nhiều trong cuộc đấu tranh chống Cộng, mang lại an-ninh hiện tại.

(c) Sự an-ninh là bảo vệ lãnh thổ :

Đối với các chuyên gia quân sự, tình hình an ninh lại được nhìn dưới một khía cạnh khác. Đó là các hoạt động của quân đội chống lại các sự xâm nhập và tấn công của đối phương vào khu vực trách nhiệm. Quân đội có nhiệm vụ bảo đảm an-ninh cho người dân, bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ các hạ tầng cơ sở mà chính quyền đã phải tốn sức mới tạo dựng nổi.

Trong một lãnh thổ được quân đội bảo vệ an ninh chắc chắn,

dân chúng có thể tự do đi lại, buôn bán, cấy cày để sống. Sự kiện này khiến cho nền kinh tế được phát triển, mức sống dân chúng được nâng cao.

Trong một lãnh thổ được bảo vệ bởi quân đội, các hạ tầng cơ sở của chúng ta không thể bị phá vỡ, tạo thành sợi dây liên lạc chặt chẽ giữa trung ương và địa phương, đánh tan cơn mưa lũ ung thối nông thôn của đối phương.

Trong cuộc chiến tranh hiện tại, nếu chúng ta giữ được nông thôn, bình định được lãnh thổ, bảo đảm được an ninh cho dân chúng, là chúng ta đã giúp một phần không nhỏ đối với nền an-ninh chung của địa phương.

An ninh cũng có thể được hiểu là tránh sự bộc phát chiến tranh trong lãnh thổ địa phương. Thật vậy từ sau ngày cuộc chiến bộc phát mãnh liệt Cộng sản gia tăng các hoạt động thu thuế, khủng bố và bắt cóc tại nông thôn, ruộng đồng bị bỏ hoang, luân lý bị suy sụp dân chúng sợ hãi bỏ về tập trung quanh các đô thị. Sự gia tăng nhân số quá mức này làm đảo lộn tất cả các dự trù làm gia tăng nạn thất nghiệp đưa đến các hoạt động phạm pháp làm xáo trộn trật tự xã hội.

Tầm quan trọng của việc bảo vệ lãnh thổ đã được thích ứng với sự gia tăng quân số, an ninh được vấn hồi. Nhưng chính sự gia tăng quân số cũng đưa đến một hậu quả tai hại là sự gia tăng các tệ đoan, số phạm pháp gia tăng gây ra do sự thiếu kiểm soát các quân nhân. Thêm vào đó mạng mạc cần bị bỏ quên hay quá ứ đọng họ đã làm xáo trộn khi về thành phố, nhiều người đã xem đó như một hình thức tương tự như nạn "kiêu binh" thuở xưa.

Tóm lại, nếu chỉ nhìn an ninh dưới khía cạnh bảo vệ thi quân đội đã đóng góp một vai trò quá lớn, nhưng đối với nền an ninh chung thì nó mang lại một hậu quả không mấy tốt đẹp. Như vậy nếu quan niệm

an-ninh đơn thuần dưới khía cạnh là các hoạt động chống xâm lăng thì chúng ta mới chỉ nhìn an ninh dưới một khía cạnh của vấn đề an ninh.

D) Suân niêm an-ninh là thi hành luật pháp Quốc Gia :

Việc bảo vệ lãnh thổ chống lại sự xâm nhập của đối phương từ bên ngoài được xem là cần thiết. Chúng ta cũng không thể quên việc duy trì trật tự và an ninh xã hội đã đóng góp phần không nhỏ trong tình hình an-ninh chung.

Khi nói về việc bảo vệ an-ninh xã-hội, tại địa phương chúng ta phải nói đến hai khía cạnh : duy trì và trừng trị.

1.- Duy trì luật pháp :

Đây là nhiệm vụ chính của lực lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia.

Chúng ta cũng có thể đặt căn bản cho sự an ninh tổng quát trên lãnh vực duy trì trật tự xã-hội, bãi trừ tệ đoan, ngăn ngừa phạm pháp. Một lãnh thổ không thể được coi là có an ninh khi dân chúng không chịu thi hành luật pháp Quốc Gia, trộm cắp thường xuyên. Tại trung ương thông thường người ta nhìn sự an ninh của địa phương qua các báo cáo của các cơ quan liên hệ, từ đó chúng ta có thể thấy sự an ninh có thể được nhìn dưới hai nhãn quan.

(a) Trên lý thuyết :

Khi các báo cáo, sự phạm pháp ít xảy ra tại một địa-phương, điều này có thể được hiểu là :

- Dân chúng chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp quốc-gia.
- Lực lượng duy trì an ninh có khả năng và hiệu hiệu.

(b) Trên thực tế :

Dân chúng vẫn thường xuyên vi phạm luật lệ, mà lực-lượng duy trì không dám thẳng tay đối phó vì một áp lực vô hình.

Như vậy nếu địa phương xảy ra nhiều vụ phạm pháp có thể được xem như vừa đó một an-ninh hay ngược lại, lực lượng duy trì an ninh đã tỏ ra tích cực hành động để tạo sự an ninh của địa phương.

2.- Trùng trị để duy trì an ninh :

Việc trùng trị để bảo vệ trật tự an ninh xã hội là nhiệm vụ của cơ quan Tư pháp và là hậu quả đương nhiên của việc duy trì luật pháp quốc-gia.

Họai ra hoạt động của cơ quan và lực lượng này không những phải phù hợp với bối cảnh địa phương mà còn tùy thuộc vào chính sách do trung ương đề xướng. Hiện nay trên phương diện thi hành luật pháp đa số các quốc gia dân chủ đều dựa vào thuyết phòng vệ xã hội (*) tạo điều kiện cho các can nhân có cơ hội hoàn lương.

Như vậy nếu chỉ quan niệm an ninh là bảo vệ luật pháp dù là trừng phạt hay duy trì thì chúng ta mới chỉ nhìn vào một trong hai, khía cạnh nội thể của tình hình an ninh chung mà thôi. Khía cạnh nội thể thứ hai của an ninh chính trị là sự ổn định chính trị.

1) Quan niệm an ninh là sự ổn định chính trị :

Chính trị mặc dầu được nhìn dưới nhiều nhãn quan khác nhau và thay đổi theo từng giai đoạn, nhưng mục tiêu chính vẫn là phục vụ cho xã-hội.

Thuở xưa khi được Tử Công hỏi việc chính trị phải làm thế nào, Khổng Tử đã đáp rằng phải làm sao cho dân đủ ăn và có đủ đức binh đời "Túc thực túc binh" (**). Khổng Tử, như vậy đã chú ý đến hai khía

(*) Nguyễn Quang Quỳnh - Hình Luật tổng quát Saigon 1973 trang 116

(**) Luận Ngữ . Nhan Uyên 16

cạnh để tạo thành sự an ninh thịnh vượng cho xã hội, khía cạnh thứ nhất là binh lực, khía cạnh thứ hai là sự no ấm, gồm rất nhiều yếu tố khác nhau hợp thành.

Tuy nhiên sự ổn định chính trị tại địa phương tùy thuộc vào nhiều ảnh hưởng ngoại trị.

1.- Sự thay đổi của chính quyền trung ương.

Tại các quốc gia chậm tiến, việc thay đổi một vị lãnh tụ thường kéo theo sự hoán chuyển thay thế một số các chức quyền hành chính và địa phương.

2.- Sự tham gia của dân chúng vào sinh-hoạt địa-phương.

3.- Sự độc tôn của một đoàn thể chính trị hay tôn giáo.

Mục tiêu của chính trị, như vừa nói là tạo sự yên ổn trong dân chúng nếu tình hình chính trị bất ổn, mục tiêu của chính trị sẽ bị bỏ quên và dân chúng sẽ sống trong một tình trạng mà cấp chỉ-huy địa phương bị thay đổi vô thường. Sự không kiên lực của nhà lãnh đạo sẽ đưa đến những kế-hoạch giúp đỡ dân chúng bị đổ đàng, làm suy yếu tiềm năng sẵn có và tạo điều kiện cho việc bành trướng thế lực của đối phương. Sự kiện này được dẫn chứng qua lịch sử bằng nhiều trường hợp điển hình. Thời xưa như thời Lê liệt và gần đây là thời gian chuyển tiếp của hai chế độ Công-Nôa Việt-Nam.

Liệt đảng phái đoàn thể chiếm địa vị độc tôn cũng ảnh hưởng đến các quyết định mà nhà hữu trách địa phương chính quyền này chỉ có thể hành động không trái ngược với quyền lợi và mục đích mà đoàn thể áp lực ấy đang theo đuổi.

Tóm lại, sự ổn định chính trị cũng góp phần quyết định một

mô thức an cư lạc nghiệp có sẵn của dân chúng địa phương. Thật ra trong hiện tại, mọi khía cạnh, vấn đề đều có những sự tương quan mật thiết với nhau. Tình hình an-ninh tổng quát có thể được cấu tạo bằng sự toàn mỹ của từng yếu tố an-ninh, nhưng cũng có thể chỉ được cấu tạo bởi một số những phần tử cụ thể thôi. Dù sao chăng nữa thì chúng ta phải công nhận là sự an-ninh mà Fil-Ghig hiện có, ngoài những yếu tố chung mà chúng ta vừa trình bày trên, còn bao gồm những sắc thái đặc biệt khác. Sắc thái đặc biệt này chính là yếu tố tôn giáo... Phật giáo Hòa-hảo vừa là một tôn giáo vừa là một toàn thể chính trị, đã chiếm một địa vị độc tôn đối với Fil-Ghig. Tất nhiên đã góp phần không nhỏ trong mọi sinh-hoạt của địa phương.

FGH đã đóng góp như thế nào qua giáo-lý và quá trình hoạt động? Chúng ta sẽ tìm thấy câu trả lời trong bài này và sẽ nhận thấy qua hai phần:

Phần thứ I : Khái lược về Phật-giáo Hòa-hảo.

Phần thứ II : Mô tả tình hình an-ninh tại Fil-Ghig và giải thích sự đóng góp của tôn giáo này.

PHẦN THỨ NHẤT

**MỘT Ý NIỆM KHÁI QUÁT
VỀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO**

Nói đến mười một tỉnh miền Tây nhất là AN-GIANG và CHÂU-ĐỐC mà bỏ quên không nói đến Phật-Giáo Hòa - Hảo hẳn là một sự thiếu sót lớn lao. Phật-Giáo Hòa-Hảo là một chi phái của tôngphái Bửu-Sơn kỳ Hương, cũng là một Tôn-Giáo có một quá trình thành-lập rất ngắn ngủi. Nhưng không phải vì vậy mà số tín-đồ và phạm vi ảnh hưởng của Tôngiáo bị giới hạn trong số tuổi non nớt trên. Dĩ-nhiên chúng ta không thể so-sánh Phật-Giáo Hòa-Hảo với một Công Giáo với quá trình thành-lập gần 20 thế-kỷ qua hay một PhậtGiáo đã có một quá trình xây dựng trường kỳ. Như vậy từ trong tổ chức sự thành-lập ta đã thấy có một sự bất cân xứng. Đối với Công-Giáo, Giáo-hội Vatican dựa theo 10 điều răn, đã đặt ra nhiều nghi thức thờ phụng, có lẽ chính vì vậy mà Tôn-giáo này đã có một số tín hữu đông đảo trên thế-giới! Về Phật-giáo, ngoài giáo-thuyết nhà phật gần như không có một quy-tắc nào bó buộc tín-đồ, tất cả chỉ do thành tâm và tự-nguyện, vì vậy Phật-giáo chiếm một số đông nhưng cũng thật thàm lặng. Ở Phật-Giáo Hòa-Hảo ta thấy một sự đoàn kết thiêng liêng, một sức sống mãnh liệt, một sự hoạt động không ngừng và bất vụ lợi. Với những ưu điểm như vậy chúng ta hãy tìm hiểu thêm về Phật-Giáo Hòa - Hảo trong chương này, tôn-giáo mà nhiều người cho rằng đã có rất nhiều công lao trong việc phối hợp với chính-quyền địa -

phương trong việc tạo dựng nền an-ninh tốt đẹp như hiện có tại AN-GIANG.

Phần này chúng ta sẽ nghiên-cứu về Phật Giáo Hòa-Hảo qua hai chương.

Chương I. Nguồn-gốc sự thành-lập PGHH .

Chương II. Diễn-tiến hoạt-động của PGHH .

CHƯƠNG MỘT

NGUỒN GỐC SỰ THÀNH LẬP PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Phật-Giáo Hòa-Hảo là một chi phái của Bửu-Sơn kỳ Hương, do đức Phật thầy Tây An sáng lập cách đây chừng hơn 1 thế-kỷ.

Như vậy muốn tìm hiểu sâu rộng về Phật-Giáo Hòa-Hảo ta phải biết rõ căn nguyên xuất phát. Vì thế ta hãy trở lại thời gian 100 năm trước lúc mới khai sáng ra tông phái trên, hiện nay không được nhắc nhở đến nhiều như Phật Giáo Hòa-Hảo.

Mục 1

GIAI ĐOẠN TIỀN KHAI SÁNG PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Cần 100 năm trước khi sáng lập Phật-Giáo Hòa-Hảo được coi là giai đoạn tiền khai của tôn-giáo và trải qua nhiều thời kỳ tranh đấu cam go dưới một bối cảnh thật đặc biệt của lịch sử. Thừa đó, dưới triều Vua Hàm - Nghi tại Việt-Nam Chính-quyền dùng binh lực ép buộc triều đình Việt Nam phải ký hòa ước 1884. Trước sự hung hãn của đoàn quân xâm-lãng, nhà vua phải xuất sơn và Tôn-Thất-Thuyết thừa mệnh vua Hàm-Nghi làm hịch Cần-Vương. Các sĩ-phu với tinh thần Nho-giáo chỉ nhờ vậy nổi lên hưởng ứng rất đông đảo như :

- Trương-công-Định dấy quân ở Gò-Công.

- Nguyễn-trung-Trực đánh phá quân Pháp tại TÂN - AN .
- Trần-văn-Thành hùng cứ ở AN-GIANG ...v..v...

Sự kiện trên đưa đất nước đến một tình trạng chiến tranh và hôn loạn mà mục đích là đánh đuổi quân xâm lăng Pháp ra khỏi bờ cõi. Với một khung cảnh lịch sử như vậy, đạo-đức và luân-lý bị phá sản, mọi bức tường ngăn cách của xã-hội bị sụp đổ, giáo-lý đạo Phật bị lung lay. Con người thời bấy giờ đã giảm bớt niềm tin ở một lý-thuyết siêu hình để dần dần tiến đến chạy theo sức mạnh của tiền tài, uy-quyền và bạo lực. Để chỉnh đốn lại giáo-lý nhà Phật và chấn hưng Phật pháp, một tôn-giáo mới xuất hiện với danh xưng là Bửu-Sơn Kỳ-Hương.

DOAN I. THỜI KỲ THÀNH LẬP BỬU SƠN KỶ HƯƠNG

A . LẠI LỊCH ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN

Đức Phật Thầy Tây-An chính danh là Đoàn - Minh - Huyền sanh ngày 15/10 năm Đinh-Mão (1807) tại xã Tông-Sơn, tỉnh Sa-đéc. Bỏ nhà đi từ bé, mãi cho đến năm 1849 mới trở lại Tông-Sơn, đúng vào lúc dân chúng trong vùng đang khôn khổ vì bệnh dịch tả hoành hành. Trước tình cảnh ấy Ngài đã ra tay cứu giúp, trị bệnh miễn phí cho dân chúng, nhờ vậy uy tín của Ông càng ngày càng cao. Với uy-tín sẵn có, Ông khuyên nhủ dân chúng, đồng bào trở lại với niềm tin vào trời Phật, hãy trở về với đạo Phật cổ-truyền của dân-tộc Việt-Nam. Trên đoạn đường độ thế, Ngài di-chuyển từ xã Tông-Sơn (Sađéc) đến Trà-Bu quận Lấp-Vồ rồi lên Xẻo-Môn (thuộc xã Long-Điện) và sau cùng đến xã Long - Kiến thuộc tỉnh AN-GIANG. Trong cuộc chu du độ thế, uy-tín Ngài càng lên cao, triều đình thời bấy giờ nghi ngờ Ngài làm loạn ,

khuyến-khích dân chúng nổi dậy chống chính-quyền, bèn bắt giữ và giam tại Châu-Đốc. Sau khi điều tra, được trả tự-do, thoát khỏi ngục tù, Ngài lên núi Sam và tu tại một ngôi Chùa trên núi này, sau được gọi là chùa Tây-An. Đây cũng là nơi Đức Phật Thầy thuyết giao và bành-trướng đạo Phật trong suốt thời gian còn lại của đời Ngài.

B . GIÁO LÝ CỦA ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN

Giáo-lý của Phật-Giáo Hòa-Hảo hiện nay đã phản-ảnh khá nhiều tinh thần giáo-lý của Đức Phật Thầy Tây - An đã để lại. Giáo-lý này gồm hai điểm chính :

1/- Học Phật : Được tóm-tắt trong ba chữ.

- a) Giới : là sợi dây buộc ta vào chánh đạo, không phạm vào những lối lầm xấu xa và không làm những điều tàn ác vô minh.
- b) Định : suy nghĩ đến những lạc thú ở đời chonó là mong-manh, giả tạo. Cần phải diệt trừ ham muốn, nghĩ đến đạo-đức, trí tưởng đến lý đạo.
- c) Tuệ : hiểu thấu lý vô thường và sự khổ của con người và không để mọi cảm do chi phối.

Mục tiêu của Đức-Phật Thầy là mong đem lại sự sống an vui thương yêu. Ngài luôn luôn căn dặn tín đồ rằng Đạo Phật không dạy ta trốn nợ đời hay sống im lìm vô ích cho xã-hội để mong ngày về Niết-Bàn mà an hưởng riêng tư.

2/- Tu Nhân : Quan-niệm về tu hành của Đức Phật Thầy được thể hiện trong phần giáo lý này. Theo đó thì tín-đồ theo đạo không cần xuất gia khi đi tu. Tu đối với giáo-lý này là phải tích cực làm việc giúp đời để đền đáp tứ - ân .

- Ân tổ tiên, cha mẹ
- Ân đất nước
- Ân Tam bảo
- Ân đồng bào nhân loại .

Với giáo điều tứ ân này và giáo lý xuất thế Đức Phật Thầy đã khuyến khích và dạy dỗ tín đồ cố gắng khai phá đất hoang núi rừng bao quanh vùng Thất-Sơn (Châu Đốc) biến thành đồng ruộng và vườn cây hữu ích.

DOAN II . THỜI KỲ HOANG ĐẠO

Ngày 12/8 năm Bình Ngô Thìn (1956) Đức Phật Thầy tịch ở núi Sam thọ 50 tuổi. Một số vị đã được coi là kế nghiệp của Ngài để truyền bá giáo lý theo những pháp môn và nghi thức do Đức Phật Thầy Tây-An để lại. Trước hết ta phải kể đến :

A/ Đức Phật Trùm -

Ngài tên thật là Tà Paul gốc người Miên, sinh trưởng tại Sóc Lương Phi. Năm 1968, sau một cơn bạo bệnh Ngài bỗng tỏ ngộ và từ đây bắt đầu truyền rao giảng đạo bằng tiếng Việt-Nam.

Cũng như Đức Phật Thầy , khởi nguồn Ngài dùng phương-pháp trị bệnh để gây uy tín trong quần chúng ,sau đó mới truyền đạo. Càng về sau tín đồ ngưỡng mộ càng đông có lẽ một phần vì phương pháp trị bệnh lạ lùng nhưng gặt hái được nhiều kết quả tốt đẹp. Cho đến năm 1870 vì số người ngưỡng-mộ quá đông, nhà cầm-quyền Pháp tình nghi Ngài hoạt-động cho Cách-Mạng, muốn tạo phản gây rối loạn bèn ra lệnh bắt Ngài và đày ra hải ngoại. Về sau Ngài được trả tự do và tiếp tục giảng đạo cho đến khi mất. Ngài mất năm Ất-Hợi (1875)

B/ Đức Bốn Sư -

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Vị kế tiếp trong công việc hoằng dương đạo pháp của Đức Phật Trùm là Đức Bốn Sư. Ngài tên thật là Ngô Lợi sinh năm Canh Dần (1830). Năm 48 tuổi bắt đầu rao giảng về đạo Phật. Ngoài giáo-ly của Đức Phật Thầy Tây An, Đức Bốn Sư đã chú ý nhiều về hai khía cạnh chính là HIẾU và NGHĨA. Từ đó lập ra tông-phái Hiếu Nghĩa tại núi Tượng. Ngài mất năm Canh dần (1890) thọ 60 tuổi.

C/ Ông Sư Vãi Bán khoai -

Sau khi Đức Bốn Sư mất đi, người đời suốt 12 năm không thấy xuất hiện vị nào rao giảng đạo pháp. Mãi cho đến năm Nhâm Dần (1902) dân chúng thường thấy xuất hiện tại kinh Vĩnh-Tế một người chèo thuyền đi bán khoai, đồng thời dùng đó làm phương tiện để truyền đạo. Dân chúng gọi Ngài là Sư vãi bán khoai vì không hề biết tên thật của Ngài, cho đến bây giờ cũng vậy. Tuy nhiên khi đi truyền đạo người ấy thường tự xưng là Sư nhưng lại có cách ăn-mặc, phục sức giống bà vãi. Do đó ta mới thấy có tên là Ông Sư vãi Bán khoai.

Truyền đạo được hai năm, tự nhiên không ai thấy Ông xuất hiện nữa. Trước khi ra đi Ông cũng đã để lại cho hậu sinh quyển "Sấm giảng đời người".

Mục II

GIẢI ĐOẠN KHAI SÁNG PHẬT GIÁO HOÀ HẢO

Người khai sáng ra tôn-giáo này là Đức Huỳnh - Giáo-Chủ. Lịch sử của tôn giáo này gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của Đức Thầy. Chính vì vậy trong thời gian Ngài lãnh đạo, tôn-giáo đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau.

Đức Huỳnh giáo Chủ húy danh là Huỳnh-Phú-Sổ sanh năm Kỷ Mùi (1919) tại xã Hòa-Hảo, quận Tân-Châu, tỉnh Châu Đốc, là con thứ của Đức Ông Huỳnh-Công-Bộ và Đức Bà Lê-

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 433

thị-Nhậm. Gia đình thuộc hạng trung lưu và có nhiều uy-tín tại địa-phương. Ngày càng nhỏ, ngài học đến bậc Tiểu học thì phải bỏ dở dang vì bệnh tật và đau ốm liên miên để về nhà dưỡng bệnh. Suốt thời gian 5 năm từ 15 đến 20 tuổi bệnh không dứt và không thuốc nào chữa khỏi. Năm 1939, sau khi theo cha là Đức Ông thăm viếng các am, động thuộc vùng Thất Sơn và Tà Lơn, nơi tiếng là thiêng liêng và hùng vĩ, Ngài bỗng tỏ ra đại ngộ. Ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939) Ngài chính thức mở đạo và khai sáng ra Phật Giáo Hòa-Hảo.

ĐOẠN I . THỜI KỶ TRUYỀN BÀ ĐẠO PHÁP

Cũng như những vị đi trước, Đức Thầy Huỳnh giáo Chủ đã dùng phương pháp trị bệnh để lôi cuốn tín đồ. Ngoài ra từ nơi Ngài người ta đã nhận thấy nhiều biệt tài khác nữa.

- Chữa bệnh : với phương thức thật giản dị nhưng kết quả thật tốt đẹp.
- Thuyết giáo thao-thao bất tuyệt, thông suốt giáo lý nhà Phật, Nho giáo ..v..v...
- Tiên tri về các biến chuyển của thời cuộc và cá nhân không máy-may sai lạc.
- Sáng tác kệ giảng : có thể viết vài ba trăm câu văn vần mà không cần suy nghĩ và làm nháp
- Họa thơ ứng đối rất nhanh.

Nhờ vậy mà chỉ trong vòng một năm số tín đồ theo Ngài đã lên hơn 1.000.000 người. Lo ngại vì số tín đồ đông đảo như vậy chính-quyền Pháp đã cấm Ngài không được truyền đạo và dời Ngài đi Sa-Đéc ngày 12/4 Canh - Thìn (1940) Sau đó đi Cần-Thơ tại kinh Xá Nô thuộc làng Nhân Nghĩa ngày 18/4. Trong thời gian tại Cần-thơ, Ngài

tá túc tại nhà Ông Hương Bộ Thanh. Đầu tháng 7 Ngài được đưa vào nhà thương Chợ Quán nhà cầm - quyền Pháp đã gán cho Ngài mắc bệnh Thần kinh để làm giảm uy-tín . Qua đến tháng 6 năm 1941 Ngài bị đưa về Bạc-Liêu và ngụ tại nhà Ông Võ-văn-Giỏi. Ở Bạc-liêu được hơn một năm , cho đến ngày 3/9 Nhâm Ngọ 1942 Quân Nhật đến rước và đưa Ngài về Saigon, ngụ tại số 148-150 đường Le Febvre. Trong suốt thời gian bị đưa đi khắp nơi với mục đích là không cho Ngài có dịp để truyền giáo. Chính quyền Pháp đã vô tình giúp Ngài để khuyếch trương đạo pháp tại những nơi mà Ngài đặt chân đến. Đã không hại được Ngài mà hậu quả ngược lại là Pháp đã giúp Ngài trong việc gia tăng số tín đồ không những trong giới nông dân quê mùa mà ngay cả đến các thành phần trí-thức tại khắp nơi (điển hình là Bác-sĩ Giám-Đốc Trần-văn-Tâm có phận sự chăm sóc cho Ngài) .

DOAN II . THỜI KỲ CHUYỂN HƯỚNG ĐẤU TRANH

Biết trước được sự thất bại của người Pháp tại Đông-dương và tiên liệu được thời cơ quật khởi để giải-phóng quê hương đã đến, Đức Huỳnh giáo Chủ đã bí mật tiếp xúc với các nhà ái-quốc chân chính trong nước cũng như ở hải-ngoại cùng ngấm ngấm vận-dộng để thành lập một phong trào tranh đấu giành độc-lập cho Việt-Nam.

Ngày 9/3/1945 Nhật lật đổ Pháp, Đức Huỳnh-giáo-Chủ liền cho ra đời Việt-Nam Độc-lập vận-dộng hội cùng kêu gọi toàn dân tích cực tham gia phong trào vận - động cho nên độc-lập của nước nhà.

Cũng trong thời gian ấy Ngài đã vận-dộng để thành lập VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO LIÊN HIỆP HỘI nhằm mục đích chấn hưng đạo giáo với tôn chỉ liên hiệp và trùnhung các tông phái đạo Phật tại Việt-Nam. Nhưng việc không thành vì sự bảo thủ của các tăng ni sư sãi với quan niệm cổ hủ "Riêng báo pháp, riêng chùa, riêng Phật " .

Đến tháng 4 năm 1945, trước nạn đói khủng khiếp bởi sự mất mùa năm Ất-Dậu của đồng bào miền Bắc Việt-Nam. Sự chuyển hướng hoạt-động còn được nhận thấy qua sự cố võ đồng bào và chỉ, thị cho các tín đồ Phật - Giáo Hòa-Hảo phải lạc quyền, giúp đỡ để gỡ ra đất Bắc cứu trợ các nạn nhân.

Tháng 8 năm 1945, quân-đội Nhật Bản thất trận và đầu hàng vô điều kiện, tình thế Việt-Nam lại trở nên phức tạp hơn nữa. Cộng-sản dưới chiêu bài Quốc - gia của Việt-Minh mưu toan chiếm trọn Việt-Nam chủ trương thủ-tiêu các phần tử Quốc-gia chân chính. Đức Huỳnh giáo Chủ có tên trong danh sách những người mà Cộng Sản phải ám-hại, nhưng Ngài đã may mắn thoát khỏi.

Cuối năm 1945 quân-đội Pháp theo chân quân đội Anh trở lại Việt-Nam. Ngài được bầu làm Chủ-tịch MAT TRẬN QUỐC-GIA LIÊN-HIỆP để chiến đấu chống lại Thực dân Pháp và Cộng-Sản.

Ngày 21-9-1946 VIỆT-NAM DÂN-CHỦ XÃ-HỘI ĐẢNG được thành lập và bắt đầu hoạt động. Đảng này được gọi tắt là Dân Xã đảng, thành lập do sự phối hợp giữa Phật Giáo Hòa Hảo và các đảng phái Quốc-gia khác.

Năm 1947 Việt-Minh đã cố tình bỏ quên các thiện chí của Đức Huỳnh giáo Chủ qua sự phối hợp chống Thực-dân để thẳng tay tàn sát, khủng bố, giam cầm và bắt bớ một cách công khai các tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo. Sự kiện này tạo thành một sự căm hờn cực độ của tín đồ và các đảng viên Dân xã Đảng tại miền Tây. Để cứu vãn tình thế và giải quyết các xung đột mâu thuẫn để bảo vệ tiềm năng kháng chiến của dân tộc, Đức Huỳnh giáo Chủ đã trở về Miền Tây với ý định trấn an dân chúng và giải thích cho cả đôi bên để gây lại tinh thần đoàn-kết Quốc-gia.

Biết được ý định của Ngài, Việt-Minh đã lợi-dụng cơ hội đó để mời Ngài đến Thương Nghị vào đêm 25/2 nhuận năm Đinh Hợi tức là ngày 16/4/1947. Cuộc hội nghị

được tổ chức tại Đốc Vàng (Tân Phú) trong vùng Đồng Tháp. Trong lúc đang Thương Nghị Việt-Minh đã dùng mưu để bắt giữ Ngài. Từ đó tín đồ không hề nhận được một tin tức nào về Ngài nữa cả.

Nhưng tất cả tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo đều đồng lòng tin tưởng rằng Ngài sẽ trở về và mong đợi ngày trở về trong sứ mạng cao cả của Ngài. Hàng năm tín đồ đến ngày 25/2 Âm-lịch tụ họp tại Đốc-Vàng để tưởng niệm và cầu mong Ngài sớm trở về.

Từ đó lòng căm hờn Cộng-Sản qua mỗi thù truyền-kiếp dâng lên đến cao độ, cộng thêm là hình ảnh của những cuộc khủng bố giết chóc mà các tín đồ Phật-Giáo Hòa - Hảo đã bị thủ tiêu trôi đầy trên sông, những giòng sông đỏ màu phù sa và máu tín đồ chống Cộng.



CHƯƠNG HAI

DIỆN TÍNH HỢP ĐỒNG CỦA GIÁO HỘI

Lịch sử của một số Quốc-gia Đông Nam Á đã cho ta một sự kiện là tình trạng phân hóa thường xảy đến đối với một đoàn thể khi vị lãnh tụ đã ra đi. Một Ngô Đình Diệm Tổng-Thống của Đệ I Cộng-Hòa Việt-Nam, Hồ Chí Minh, Sukarno hay Quốc-Trưởng Sihanouk đã chứng - minh cho tình thế này.

Phật-Giáo Hòa-Hảo cũng không thoát ra được định luật trên, sau khi vị lãnh đạo thần thánh là Đức Huỳnh giáo Chủ đã ra đi. Một tình trạng chia rẽ trầm trọng trong nội bộ đã thấy xuất hiện.

Trong những năm từ 1939 đến 1947, Đức Huỳnh - giáo-Chủ một mình đảm nhận hầu hết những công việc liên quan đến giáo sự và chính trị. Thoạt đầu, con số tín đồ chưa đông đảo, cho nên việc thiết lập các cơ sở hạ tầng là các cấp trị sự tuy đã có nhưng chưa đạt đạt được những hành động khả quan vì thiếu nhân số cũng như phương tiện. Do-đó, đa số các ban trị sự chưa hoạt động thật sự hay chỉ hoạt động nhiều trong lãnh vực quân sự và chính trị. Dĩ nhiên trong khoảng thời gian này sự đoàn kết của đoàn thể được coi là mạnh mẽ nhất sau lưng Đức Huỳnh-giáo-Chủ. Một số người có thể nói là vị lãnh tụ thần thánh (Charismatic leader).

Trong những năm kế tiếp từ 1947 đến 1963 đoàn thể vì lý do sinh tồn lúc công khai hoạt động lúc rút hẳn vào vòng bí mật. Thời gian này các hoạt chuyên về giáo sự, củng cố hạ tầng cơ sở bị ngưng trệ. Thay vào đó là những cố gắng về quân sự để chống lại các sự đàn áp của Thực dân, Cộng-Sản và chính quyền Đệ I Cộng Hòa.

Sau ngày Cách-Mạng 1/11/1963 thành công, một số tín đồ trung-kiên và kỳ-cựu của Ngài, mới nghĩ đến việc tái lập tổ-chức của đoàn thể, tạo dựng những hạ tầng cơ sở.

Trong phần này chúng ta sẽ lưu ý đến sự phân hóa đối với cơ-quan đặc trách về giáo sự là giáo-hội hay Ban Trị sự Trung-ương và Việt-Nam dân-chủ Xã hội đảng với các hoạt động chuyên về chính trị.

Mục I

SỰ PHÂN HÓA CỦA BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG

Ngày 1/12/1963 sau khi được Đức Bà Huỳnh-Công-Bộ cho phép, một đại hội được nhóm họp tại AN-HÒA TỰ với sự tham dự của hơn 2000 tín đồ trung kiên. Đại hội sau khi thảo luận đã quyết định thành lập một Ban Đại - Diện Trung-ương Giáo-hội Phật-Giáo Hòa-Hảo gồm đại diện các tỉnh và nhóm. Trong những ngày kế tiếp Ban Đại-Diện đã cố gắng để :

- Thành-lập ban thường vụ
- Chung quyết bản điều lệ của Giáo-hội.
- Chỉ thị cho các tỉnh để gấp rút bầu cử ban trị sự địa-phương trong tinh-thần dân chủ .
- Thông báo cùng toàn thể tín đồ để thấu hiểu.

Công việc tiến hành đều đặn cho đến tháng 10/1964 thì đã hoàn tất việc bầu ban trị sự giáo hội cấp quận .

ĐOÀN (A) . BAN TRỊ SỰ NHIỆM KỲ I

Ngày 18 tháng 11/1964 Đại-Hội bầu Ban trị sự Giáo-hội Trung-ương nhiệm kỳ I được tổ-chức tại AN-HÒA TỰ. Kết quả được ghi nhận là 17 vị đắc cử với thành phần như sau :

- Lương trọng Tường	Hội-Trưởng
- Nguyễn ngọc Tố	Đệ I Phó Hội-Trưởng
- Đệ phát Khuynh	Đệ II Phó Hội-Trưởng

Thành phần này được một thông tư của Đức Bà công nhận và kêu gọi tín đồ hợp tác, giúp đỡ ngày 29/11/64 tại Thánh-Địa Hòa-Hảo.

Ảnh-hưởng của ngoại cảnh đã chi phối vào việc phát triển đoàn thể này. Lúc bấy giờ tình hình chính-trị tại Thủ-đô vô cùng rối ren, các tôn-giáo có khuynh hướng làm chính trị bộc lộ rõ rệt. Tại Saigon Thiên-Chúa Giáo và Phật-Giáo bành trướng thế lực chính trị, uy quyền của Quốc-gia giám sát, tôn - giáo giữ một địa vị quan trọng. Các chính khách đổ xô nhau theo các đoàn thể tôn giáo để nịnh bộ, vượt ve, trục lợi. Cũng vì thế Thánh-Địa Hòa-Hảo đã hân hạnh được đón tiếp đón số chính khách thăm viếng đông đảo hơn. Hiện tượng mua chuộc các lãnh tụ tôn-giáo đưa đến hậu quả là sự tranh chấp kéo dài trong hàng ngũ Phật-Giáo Hòa-Hảo. Sự phân hóa được nhận thấy rõ và khởi đầu bằng :

1/ Phong-trào thanh lọc và xây-dựng đạo PGHH .

Phong trào này được gọi tắt là chiến dịch Huỳnh

Thanh Mậu (1). Mục-dịch của phong trào nhằm vào 2 công tác chính :

a) Đặt lại vấn đề căn bản pháp lý của Giáo-hội Phật-Giáo Hòa-Hảo (so sánh với Công-giáo và Phật-Giáo) Công tác này đạt được kết quả là Chủ-tịch UBLĐQG Trung-Tướng Nguyễn-văn-Thiệu đã ký Sắc-lệnh 002/65 ngày 12/7/1965 thay thế cho Nghị-định của Bộ Nội-vụ số 12/BNV/KS .

b) Làm sáng tỏ vụ tranh chấp giữa hai Ông Lương trọng Tường và Nguyễn ngọc Tố qua việc Ông Tố từ chối chức vụ Bộ-trưởng Canh-Nông trong Chính-phủ Phan-Huy-Quát. Phong trào đã tung ra các tài liệu để lật trần các bộ mặt xấu xa của cả hai bên.

Kết quả sự tranh chấp đã gây hoang mang trong tín đồ và làm giảm uy-tín một số cá-nhân lãnh đạo. Phong trào này chìm dần khi sự tranh chấp không còn nữa qua việc bắt cóc ông Nguyễn ngọc Tố không thành.

2/ Ủy-Ban lãnh-đạo Trung-ương lực-lượng bảo - an Phật-Giáo Hòa-Hảo.

Ủy-Ban này được thành lập vào ngày 9/5/1966 do Ông Lương-trọng-Tường và một số sĩ-quan phụ giúp. Ủy-ban đã gặp phải sức chống đối mạnh mẽ của Hội "Ái hữu Hòa-Hảo Dân xã Thống-nhất" được thành lập tháng 3/1966 do Ông Trần duy Đôn chủ xướng. Hội này theo dự-thảo chương-trình đã quy định "Đây là một Hội ái-hữu không hoạt động

(1) Phong-trào xuất hiện mạnh ở Vĩnh-Long do một đại-úy N.L.G sau này là Dân-Biểu Quốc-hội lập hiến đề xướng với sự bảo trợ của Trung-Tá B ở Saigon.

Huỳnh-thanh Mậu : em Đức Huỳnh Giáo Chủ sanh ngày 10/2 Âm lịch năm Ất Sửu (1925). Bị Quốc-gia Tự vệ cuộc Cần-Thợ (Công - an Việt-Minh) bắt tra tấn và xử tử tại Vận-Động-Trường Cần-Thợ , ngày 7/10/45 vì các hoạt-động biểu tình.

chính trị cũng như quân sự hay kinh tài ..." Một tuần lễ sau tức ngày 16/5/1966 Ông Trần duy Đôn cũng đã cho ra đời một lực lượng để chống lại Ông Tường lấy tên là "lực lượng Bảo-vệ Phật-Giáo Hòa-Hảo" Kế tiếp Ông Nguyễn-văn-Ca, một ủy viên trong Ban chấp hành lâm thời ViệtNam Dân Chủ Xã-Hội Đảng thống nhất thành lập "Phong-trào đấu-tranh thanh lọc nội bộ Phật-Giáo Hòa-Hảo".

Trước các sức chống đối mạnh-mẽ, lực-lượng Bảo an của Ông Lương-trọng-Tường phải giải tán.

Như vậy mới khởi đầu của thời kỳ tái hoạt động Phật-Giáo Hòa-Hảo đã gặp nhiều lúng túng trong nội bộ mà có lẽ đã do chính-quyền thời bấy giờ thúc đẩy. Những biến cố này mở đầu cho một thời gian chia rẽ khá dài về sau.

DOẠN (B) . BAN XỬ LÝ THƯỜNG VỤ 1967

Với những sự tranh chấp xảy ra như vừa nói ở phần trên. Ông Tường nhận thấy chắc chắn không thể tái đắc cử nên đã cố tình kéo dài nhiệm-kỳ. Đáng lẽ đã phải chấm dứt vào cuối năm 1966 cho mãi đến tháng 3 năm 1967 Ngày 26 tháng 3 năm 1967, một đại hội được triệu tập tại Thánh Địa với sự chấp thuận của Đức Bà. Ông Tường và các trị sự viên của nhiệm kỳ I đã tuyên bố mãn nhiệm và trao quyền lại cho Đại-Hội. Thay vì bầu ban Trị sự mới Đại-hội đã đưa ra ba giải pháp để biểu quyết :

- a) Bầu ban xử lý thường vụ lâm thời 4 tháng
- b) Bầu ban trị-sự trung-ương nhiệm kỳ II.
- c) Lưu nhiệm ban trị sự nhiệm kỳ I thêm 4 tháng

Đại-hội sau khi bỏ thăm đã quyết-định chọn giải pháp thứ I, ông Trần-văn-Tươi được bầu làm Tổng Thư Ký . Nhóm ông Tường phản đối Đại-hội có gian ý, bất công và bỏ

ra về. Mầm móng chia rẽ càng bóc phát mạnh mẽ khi :

- Ngày 2/6/1967 Đức Bà đau nặng và mất lúc 20^h00
- Chính-quyền Trung-Uơng tỏ ra bênh vực và ủng hộ Ông Tướng.
- Gần đến mùa tranh cử, các nhân vật có uy-tín chia làm nhiều phe ủng hộ các nhóm để tranh thãm.

Trong khi đó thì Ban xử lý thường vụ lâm thời vẫn tiếp tục các hoạt động thường xuyên bên cạnh các sự tranh chấp các nhóm .

DOẠN (C) HAI BAN TRỊ SỰ NHIỆM KỲ II

Tình trạng nội bộ càng bi thảm hơn trong việc bầu cử nhiệm kỳ II.

1/ Nhóm 11 tỉnh Miền Tây -

Ngày 15/9/1967 , cuộc bầu - cử nhiệm - kỳ II được tổ chức trong đại hội tại Thánh-Địa Hòa-Hảo nhóm Ông Tướng đã rút lui. Đại-Hội vẫn tiếp tục và kết quả là Ông Đặng văn Kính hội trưởng Ban trị sự tỉnh Vĩnh Long đắc-cử chức vụ Hội-Trưởng cùng 50 người trong chức vụ khác Nhưng Ông Út, Lương-trọng-Tường và Thiếu-Tướng Lâm thành Nguyên tuyên bố (không) Đại-Hội không hợp lý và yêu cầu giải tán. Chủ tọa đoàn thể theo lời ông Út, đã tuyên bố bế mạc và quy trách nhiệm cho Ông Út.

Mãi cho đến ngày 2/1/1968 Đại-hội 11 tỉnh Miền Tây mới chính thức bầu các ông Huỳnh văn Nhiệm, Quan hữu Kim, Lâm ngọc Thạch vào các chức vụ đại diện Giáo hội tại Trung ương để điều hành Giáo sự và ngăn chặn các mưu mô của ông Tướng qua cuộc bầu cử vào ngày 10/12/1967.

2/ Nhóm của Ông Tường -

Ngày 4/11/1967 để sửa soạn, Ông Út cho thành lập ban Vận Động và đặc trách về bầu cử do ông Nguyễn-công-Minh làm Trưởng ban và ấn định ngày bầu cử là ngày 10/12/1967. Nhưng các tỉnh Miền Tây đã phản đối mãnh liệt vì cho rằng ban Vận-Động chịu sự chi phối của Ông Tường quá nhiều. Trước các áp lực đó Ông Út ra thông cáo hoãn ngày bầu cử lại. Nhưng đến sáng ngày 10/12/1967, các ông Tường Liêm, Nguyễn văn Ca, Huỳnh quan Trù tự động tổ chức bầu cử. Kết quả ông Tường làm Hội-Trưởng, Ông Liêm làm Cố-vấn .

Quả bóng chia rẽ đã nổ tung và như vậy trong nhiệm kỳ thứ hai này, Giáo-Hội Phật -Giáo Hòa-Hảo có tới hai ban trị sự Trung-ương.

DOẠN (D) BAN XỬ LÝ THƯỜNG VỤ 1968

Không chấp nhận sự kiện trên. Đại diện Tổ đình đã đứng ra hòa giải và ban xử lý thường vụ 1968 lại có thêm một nhóm người trung lập. Nhóm người này gồm những nhân vật có uy tín của đoàn thể từ trước vẫn đứng ngoài các cuộc tranh chấp. Theo đề nghị của Ông Lê - Tấn - Bửu (phe trung lập) thì ban xử lý thường vụ gồm 9 người, mỗi nhóm sẽ có 3 người. Nhưng kết quả chỉ có 5 người trong ban xử lý gồm 3 người nhóm ông Nhiệm và hai người trung lập. Nhóm ông Tường không đưa ra người nào cả .

Nhưng trong ngày 23/8/1968 ông Tường đã phún hận trước báo chí và Việt Tấn Xã việc ông long trọng từ chức trong phiên họp tại Tổ đình ngày 16/6/1968.

Biến cố quan trọng ngày 20/7/1968 đã biến đổi cục diện khi ông Trần văn Đới và ban xử lý thường vụ đến tiếp nhận trụ sở 114 Bùi thị Xuân Saigon. Nhóm người chống đối đã từ trong trụ sở ném lựu đạn ra gây nên thảm

kịch .

Tình trạng một giáo hội với hai Ban trị sự Trung ương kéo dài mãi cho đến nay và ngay cả trong Ban trị sự nhiệm kỳ III

DOAN (E) . BAN TRỊ SỰ NHIỆM KỲ III

1/ Nhóm Ông Trọng -

Bầu cử được tổ chức tại Thánh địa ngày 17/3/1971 dưới sự chủ tọa của Ông Út với kết quả :

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| - Ông Lương trọng Tường | Hội-trưởng |
| - Ông Hồ thái Ngạn | Đệ I phó Hội-trưởng |
| - Ông Lê quang Liêm | Cô-văn |

2/ Nhóm 11 tỉnh Miền Tây

Đại-diện 11 tỉnh cũng tổ chức bầu cử trong thời gian này và ông Nguyễn duy Hình đắc cử vào chức vụ Hội-trưởng.

Như vậy cho đến nay trong hàng ngũ lãnh đạo tinh thần vẫn gồm có hai nhóm, một của ông Lương-trọng - Tường được chính quyền ủng hộ và 1 của Đại diện 11 Tỉnh Miền Tây. Nhưng mặc dầu có sự chia rẽ trầm trọng như vậy, các tín đồ vẫn trung thành và theo đúng đường lối của Đức Thầy để lại về phương diện Học Phật Tu Nhân. Khuyh - hướng xuất thế của Đức Thầy cũng được triệt để tuân theo nhưng có lẽ vì chưa tận hiểu và thấu triệt được đường lối cách mạng nên Dân xã đảng đã bị xáo trộn không ít . Hậu quả của sự việc này là sự phân hóa trầm trọng Việt - Nam Dân Chủ Xã hội Đảng sau ngày tái hoạt động .

Mục II

TRANH CHẤP TRONG NỘI BỘ ĐÂN XÃ ĐẢNG

Trong những tháng cuối năm 1945 và đầu năm 1946 Sư đoàn dân quân của người Quốc-gia tại Việt - Nam cùng với bộ đội kháng chiến khác bị tan vỡ. Đệ IV Sư-đoàn phân làm hai nhóm, một phần rút về Tây Ninh hợp với lực lượng kháng chiến Cao-dài. Một phần trở về Miền Tây để đứng chung với bộ đội Nguyễn trung Trực. Để có thể dồn mọi nỗ lực vào các hoạt động chính trị, Đức Huỳnh giáo Chủ đã giao bộ đội này cho những tín đồ trung kiên như Trần văn Soái, Lâm thành Nguyên, Lê quang Vinh, Nguyễn giác Ngô..

Khởi đầu cho giai đoạn hoạt động chính trị chúng ta thấy với sự hợp tác của Cao-dài, Bình Xuyên, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng. Đệ IV Cộng Sản quốc tế và các bộ đội kháng chiến khác ... Ngày đã cho ra đời Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp kháng chiến và được bầu làm chủ tịch. Nhưng chẳng bao lâu mặt trận bị giải tán vào tháng 7/1946 vì sự khủng bố của Việt Minh và áp lực của chính quyền.

ĐOẠN I . THÀNH LẬP ĐÂN XÃ ĐẢNG

Kế tiếp với sự hợp tác của các Ông Nguyễn-văn-Sâm, Nguyễn hoàn Bích, Trần văn Ân, Việt-Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng chính thức chào đời vào ngày 21/9/46 bằng Tuyên ngôn của thủ lãnh là Đức Huỳnh giáo Chủ.

Sau ngày Đức Thầy thọ nạn tại Đốc-Vàng lực lượng này tan rã dưới sự đàn áp mạnh mẽ của chính quyền Pháp. Một Tướng trẻ của Đức Thầy là Lê quang Vinh (Ba Cụt) đã cố gắng cầm cự cho đến ngày đất nước bị chia đôi .

ĐOẠN II . THỜI KỲ PHÂN HÓA

Nghị định ngày 14/5/54 số 91/BNV/CT cho phép Dân xã đảng được tổ chức các cuộc biểu tình để phản đối hiệp định Genève nhưng chủ trương ôn hòa với chính quyền Ngô đình Diệm. Mãi cho đến cuối năm 1954 sự chống đối bùng nổ khi quân đội tấn công chiến khu Long Châu Hà của Dân xã qua cuộc hành quân Ecaille ngày 8/12/1954. Tiếp theo là sự thu hồi giấy phép hoạt động trên phương diện pháp lý bằng Nghị định 41/NV ngày 27/1/1955 thu hồi giấy phép hoạt động của Nghị định 91 ngày 14/5/1954.

Sự phân hóa bắt đầu chính thức xảy ra khi một số tướng lãnh của Dân-Xã đảng đệ đơn xin tái hoạt động và được chấp thuận qua Nghị định số 5/BNV/CT ngày 9/2/1955. Số còn lại không chịu hợp tác với chính quyền. Từ đó đảng có hai hệ phái, và sự chia rẽ càng trầm trọng hơn khi mỗi hệ phái lại có nhiều nhóm chống đối nhau.

A/ Hệ phái ba Sao -

Hệ phái được coi như của nhóm người chống đối, ly khai khi một số tướng lãnh khác được chính quyền ủng hộ. Những người của nhóm chống đối đứng lên thành - lập Mặt-trận Thống-nhất toàn lực Quốc-gia gồm Bình-Xuyên , Cao-đài, Hòa-Hảo và Dân xã đảng. Cuộc thương nghị thất bại giữa phái đoàn Mặt trận và Thủ tướng Ngô-đình - Diệm đã khởi đầu cho một thời kỳ nội chiến đẫm máu. Bắt đầu từ ngày 29/3/1955 qua các chiến dịch Đình-tiên-Hoàng , Nguyễn-Huệ rồi Thoại ngọc Hầu. Lực lượng võ trang dần dần bị tan rã, gần như không còn một hoạt động nào nữa. Tình trạng này kéo dài cho đến Cách mạng 1963. Sau khi Cách-mạng thành công thì hệ phái này lại chia ra nhiều nhóm :

a) Nhóm Trình quốc Khánh -

Sau thông cáo ngày 28/1/1964 của sở Chánh-đảng Bộ Nội-vụ. Ông Tổng-Trưởng Hà-thúc-Ký đã cho phép Ông Nguyễn hữu Lễ, tự Trình quốc Khánh, tái lập và lãnh đạo Dân xã đảng (1) với sự khai báo của đương sự. Đến ngày 4/9/1964 Trình quốc Khánh lại gửi văn thư số 233 TU/VT để xin Bộ gấp rút tiến hành thủ tục và xin chấp - thuận ban Chấp-hành 9 người với :

- Trình quốc Khánh làm Tổng bí thư
- Nguyễn văn Ca Ủy viên Chính trị kiêm Kinh tài

b) Nhóm Trương kim Cù -

Một nhóm đảng viên Dân xã khai gồm Trần-văn-Khuông, Trương kim Cù cùng đệ đơn xin tái hoạt động. Bộ Nội-vụ trả lời là "xem sự thỉnh cầu như là khai-trình một hệ phái VNDCXH đảng" (2) và yêu cầu triệu tập một đại hội để tiến đến sự thống nhất. Tuy nhiên nhóm này cũng đã tổ chức một đại hội vào ngày 30/5/1964 để đưa ra một ban chấp hành Trung-ương gồm 9 người.

Đây là hệ nhóm thứ II của hệ phái Ba-Sao.

B/ Hệ phái chủ Vạn -

Một số nhân vật có uy tín trong hàng ngũ Dân xã đảng có lập trường thân chính quyền đứng ra xin phép được tái hoạt động. Bộ Nội-vụ đã chấp thuận và hệ phái này được gọi là hệ phái chủ Vạn. Sự phân hóa xảy ra khi Tổng bí thư của đoàn thể này là Nguyễn bảo Toàn đứng ra công khai chỉ trích sự độc tài của Tổng-Thống Ngô-

(1) Do Thông-tư 2544 B-BNV/KS ngày 20/3/1964 .

(2) Do văn thư số 5014B/KS ngày 9/6/1964 .

đình-Diệm khi bình định xong Miền Tây. Sau đó ông Toàn bị buộc rời khỏi Việt-Nam và Tướng Nguyễn-giác Ngộ được lệnh phải đề cử hai người thay thế. Đó là hai ông Trần văn-Mãi và Huỳnh-thiện-Ngôn, nhưng hai ông này cũng xin từ chức. Tướng Ngộ lại đề cử Trung-Tá Phạm-văn-Giác giữ chức vụ Tổng bí thư lâm thời. Sự đề cử trái với Hiến-Chương khiến các ông Ngô văn Ký, Phan bá Cầm, Lâm-văn-Lệ phản đối nhưng không được lưu ý. Từ đó ta thấy xuất hiện một nhóm mới của hệ phái.

a) Nhóm Phạm văn Giác (Thần chính quyền)

Nhóm này tổ chức Đại-hội tại Saigon vào ngày 10/3/1960 và bầu ban chấp hành Trung ương theo lối nhị cấp. Kết quả cuộc bầu cử gồm 8 người (trong đó 5 người đã giữ những chức vụ trong các cơ quan chính quyền. Những năm kế tiếp, để củng cố địa vị, Phạm văn Giác đã tổ chức hai đại hội bầu ban chấp hành vào năm 1961 và 1962.

b) Nhóm Phan bá Cầm .

Sau khi phản đối việc làm của Tướng, Ngộ lên chính quyền nhưng không có kết quả, các ông Lê, Cầm và Ký triệu tập một đại hội thu hẹp để thành lập một ban chấp hành mới. Đầu tháng 7/1967 nhóm này cho ra đời một ban Chấp hành gồm 7 người với Nguyễn bảo Toàn làm Tổng bí thư và có mặt cả ba Ông Lê, Cầm và Ký.

Cuộc đảo chánh thất bại ngày 11/11/1960 khiến cho nhóm này bị tan rã. Nguyễn bảo Toàn bị thủ tiêu, Phan bá Cầm bị kêu án 6 năm tù và lưu đày ra Côn đảo .

Sau ngày Cách mạng 1/11/1963 Ông Phan-bá - Cầm được thả về Saigon và tiếp tục hoạt động mạnh mẽ để tranh giành ảnh hưởng với Phạm văn Giác và Nguyễn-giác Ngộ.

DOẠN III . THỜI KỲ THỐNG NHẤT

A . SỰ THỐNG NHẤT HỆ PHÁI

Sự thống nhất khởi đầu bằng sự tự ý rút lui của ông Giác vào ngày 21/12/1963 trao quyền lại cho Huỳnh tấn Cảnh kể đến ngày 28/12/1963 sự từ chức của ông Cảnh để trao lại quyền điều hành hệ phái cho Phan-bá-Cầm.

Như vậy cho đến đầu năm 1964 thì hệ phái này được thống nhất.

B . VIỆT NAM DÂN CHỦ XÃ HỘI ĐẢNG THỐNG NHẤT

Tình trạng Dân xã đảng sau ngày 1/11/63 gồm 3 hệ phái. Nhưng sau này lại xuất hiện thêm

- Tập đoàn cựu chiến sĩ Hòa-Hảo Dân xã của Lâm-thành-Nguyên .
- Hội cựu Quân Nhân Hòa-Hảo của Trần-duy-Đôn.

Mọi cố gắng để thống nhất Dân xã đảng qua các Đại hội vào tháng 7,10 năm 1964 và tháng 6 năm 1965 đều thất bại. Ban chấp hành lâm thời (bầu ngày 11/10/64 gồm 20 người đại diện cho giáo hội và cả 3 nhóm) tự đình chỉ Tình trạng này kéo dài mãi cho đến ngày 8/5/1966 . Với sự trợ giúp của ban Trị sự Trung-ương và với chỉ thị của Đức Bà. Một Đại hội tại Thánh địa Hòa - Hảo được triệu tập để đưa ra thành phần Ủy Ban lãnh đạo Việt Nam Dân chủ xã hội đảng Thống nhất gồm năm (5) người.

- Phan bá Cầm
- Trình quốc Khánh
- Trương kim Cù
- Lâm thành Nguyên
- Trần duy Đôn .

Trên thực tế thì Dân xã đảng đã được thống nhất sau một thời gian dài chia năm xẻ bảy. Nhưng sự phân hóa vẫn còn, dù chỉ là âm thầm. Các nhóm vẫn ráo riết vận động trong bóng tối để mở rộng ảnh hưởng của mình đối với tín đồ .



PHẦN THỨ HAI

**MÔ TẢ
TÌNH HÌNH AN NINH
TẠI AN GIANG
VÀ GIẢI THÍCH SỰ ĐÓNG GÓP
CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO**

Một nhà văn đã tả cái đẹp của Đà-lạt về đêm như sau "Đi trong đêm ở Đà-lạt là đi trong nơi thở của núi rừng".(1) Tại Long-Xuyên, đi trong đêm của thành phố này là đi trong đêm của thanh-bình và hạnh-phúc . Thật vậy, nếu không nhìn thấy những bộ quân phục đầy bụi đường của những người lính chiến, sau chiến trận trở về hậu cứ : những trạm kiểm soát an-ninh, trạm gác với những hàng rào phòng thủ thật lỏng lẻo. Du - khách đến AN-GIANG có thể nghĩ rằng đây là một thành phố hòa bình, đứng ngoài cuộc chiến tranh tàn khốc hiện nay. Thoạt đầu du khách có thể ngạc nhiên, nhưng đa số đều chấp - nhận, không mấy ai đào sâu hơn để tìm hiểu tại sao, những yếu tố nào đã khiến cho đời sống tỉnh ANGIANG có một bộ mặt bình yên như vậy. Với một cái nhìn phiếm diện, người ta có thể đưa ra một vài lý do để giải thích sự kiện trên. Thật ra nếu tìm hiểu cận kẽ, tình hình an ninh chung sẽ được cấu tạo bằng nhiều yếu tố khác biệt.

(1) Nguyễn đình Toàn Giờ ra chơi khai phóng 1970 trang 116.

CHƯƠNG MỘT

MÔ TẢ TÌNH HÌNH AN NINH TỈNH AN GIANG

Mỗi Quốc-gia có những nét đặc thù riêng, mỗi đơn vị hành chính trong Quốc-gia cũng được vây bọc chung quanh bằng những bối cảnh khác biệt. Không quốc-gia nào giống quốc gia nào, không tỉnh nào giống tỉnh nào. Chúng ta không thể du nhập nguyên vẹn một quan niệm về an-ninh cho Việt-Nam (nói chung) và An - giang (nói riêng). Một chính sách về an-ninh được Trung ương đề ra họa chăng chỉ là nền tảng căn bản để địa phương theo đó mà áp dụng, thi hành. Cũng vì vậy việc thiết lập một chính sách, đường hướng trong lãnh vực an ninh đòi hỏi một sự thấu hiểu tường tận và kỹ-lưỡng từng yếu tố của mỗi địa phương.

Trong chương này chúng ta sẽ mô tả tình hình an ninh qua sự phân tách các thành tố chính là các yếu tố thiên-nhiên và qua các sự cố gắng của chính - quyền địa phương.

Chương này sẽ gồm hai mục :

- Mục I Mô tả tình hình an - ninh qua các yếu tố thiên nhiên .
- Mục II Mô tả tình hình an ninh với các nỗ lực của chính-quyền.

Mục 1

TÌNH HÌNH AN NINH TRÊN CÁC YẾU TỐ THIÊN NHIÊN

Quyền lực Quốc-gia là tổng hợp của những yếu-tố hữu hình và vô hình, của các yếu tố có thể đo lường hay không thể đo lường được (1). Tương tự như vậy, tình hình an-ninh địa phương là một thành tố của thể lực Quốc gia cũng được cấu tạo bằng nhiều yếu tố khác nhau.

Ta có thể tạm chia yếu tố thiên nhiên thành :

- 1) Yếu tố địa thế
- 2) Yếu tố tài nguyên
- 3) Yếu tố dân số

-DOẠN I . YẾU TỐ ĐỊA THẾ

Nhiều tác giả đã coi địa dư là một yếu tố chủ yếu trong việc quy định sức mạnh và chính sách của tập thể. Đó là Sir Alford Markinder, H Haushofes, Nicholas Spykman. (2)

A . VỊ TRÍ

Tỉnh An-Giang theo sự phân chia hành chính của Việt-Nam với một chu vi 240 cây số, trong đó có khoảng 35 cây số biên giới thiên nhiên là khúc sông Tiền Giang Giáp 5 tỉnh lân cận là Kiến-phong, Sa-déc, Phong - dinh, Châu-đốc và Kiên-giang.

(1) Nguyễn-mạnh-Hùng. Chính-trị quốc-tế. Giảng-văn Đốc-sự năm thứ I. Niên-khoá 1970-1971 trang 45 -

(2) Sách đã dẫn trang 46 -

Đứng trên bình diện quân sự, sự tốt đẹp của tình hình an ninh ANGIANG được các giới chức quân sự có thẩm quyền của địa-phương giải thích bằng sự khác biệt giữa tổ chức cơ cấu hành chánh Việt-Nam và tổ chức hành chánh và quân sự địa phương mà Cộng sản .

Theo tổ chức quân khu của Cộng-sản thì tỉnh ANGIANG trong năm 1972 gồm :

- Châu-độc
- Chi khu Châu-thành và Huệ-đức

Tỉnh Kiến-phong và chi khu Chợ Mới hợp thành tỉnh Kiến-phong theo tổ chức của Cộng-sản.

Chi khu Thốt-nốt được xác nhập với tỉnh Phong dinh của Việt-Nam thành tỉnh Phong-dinh của Cộng-sản .
(1) .

Hiện nay Cộng-sản chia miền Nam Việt-Nam thành 7 quân,khu và một mặt trận (2). Theo đó tỉnh AN-GIANG của Việt-Nam nằm trong hai quân khu của Cộng-sản (3) .

- Chi khu Huệ-Đức và Thốt-Nốt nằm trong quân khu III/CS .
- Chi khu Châu-thành và Chợ-Mới thuộc vào quân khu II/CS .

Nên nhớ tỉnh AN-GIANG hiện nay gồm có 4 quận là : Châu-thành, Chợ-mới, Huệ-đức, Thốt-nốt .

Theo các giới chức quân sự Việt-Nam, tỉnh AN-GIANG đã may mắn không bị trùng-hợp với tổ-chức quân sự

(1) Phóng theo tài liệu của ban 2 T.K AN-GIANG -

(2) Tài-liệu của phòng Thông-tin Hoa-kỳ -

(3) Xin xem phụ bản -

và Hành-chánh của Cộng-sản. Sự kiện này được giải thích bằng sự thiếu tập trung nỗ lực quân sự dưới một sự chỉ huy duy nhất của Cộng-sản. Thêm vào đó là lực lượng địa phương cũng bớt một mối lo với 63 cây số ranh - giới thiên nhiên là sông Tiền-Giang ở khu Chợ Mới .

Đây chính là một yếu tố quan trọng nhưng tình hình an-ninh không thể hoàn toàn được quyết bằng thuần túy quân sự.

B . ĐỊA THỂ

ANGIANG nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu-Long nhiều sông ít núi. Các chuyên viên quân sự tại địa phương cho rằng Cộng-sản với chiến thuật du kích, chỉ có thể dồn quân tại những vùng rừng rậm, núi cao, và thiết lập hậu cứ tại đó. Không tiếp giáp với Kampuchia với một số núi nhỏ ở Huệ-Đức, lại thêm sông Tiền-giang là một ngăn trở thiên nhiên. Các yếu tố này giúp cho tỉnh được trù phú và áp lực quân sự của địch không có dịp bộc phát được.

-ĐOẠN II . YẾU TỐ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Tài nguyên thiên nhiên phong phú là một động-cơ thúc đẩy sự phát triển kinh-tế, nâng cao mức sống của dân chúng trong tỉnh và là một yếu tố tranh-dân với Cộng-sản.

A . NÔNG NGHIỆP

Dân số trong tỉnh 70% sống bằng nghề nông (lúa sạ) và diện tích canh tác là 164.290 Ha (1969 so với diện tích toàn tỉnh là 178.560 Ha đã đưa đến một sự thặng dư về năng xuất lúa gạo trong Tỉnh .

Với sản ngạch xuất tỉnh trong năm 1968 là :

Lúa.....	8.264	tấn
Gạo	11.693	tấn
Tấm	2.736	tấn (1)

Thêm vào đó đất đai được cấu tạo bằng phù sa của những mùa nước lớn bởi các sông Tiền và Hậu-giang. An-Giang đã thu hoạch khá nhiều lợi tức với các nông sản khác. Tổng số xuất lượng của năm 1968 là trên 30.000 tấn

An-Giang cũng trồng được khá nhiều cây ăn trái và cây dùng trong kỹ nghệ. Xuất lượng này đã chiếm một phần không nhỏ trong việc phát triển địa phương.

Với 31.000 tấn nông sản dùng vào công kỹ nghệ.
5.000 tấn cây ăn trái đủ loại.

Tài nguyên thiên nhiên còn phong phú hơn với 400 cây số thủy lộ cho một lượng sản xuất là 10.000 tấn thủy sản tươi trong năm 1967 và 772.000 lít nước mắm .

Ngoài ra còn một số gia súc đáng kể là trên 100.000 con xuất tỉnh trong năm 1968 .

B . KỸ NGHỆ

Đa số dân chúng sống bằng nông-nghiệp, kỹ nghệ đang được chính quyền địa phương khuyến khích phát triển nhất là trong lãnh vực biến chế nông sản. Tuy nhiên với khoảng 440 xí-nghiệp đủ loại (1968) hoạt động trong mọi lãnh vực công kỹ nghệ cũng là một con số đáng kể đối với nền kinh tế đại phương.

Kinh tế có phát triển mức sống dân chúng mới được nâng cao. Sự ấm no của dân chúng là một chướng ngại cho sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng-sản với chủ trương

(1) Thống-kê của Ty Nông-Nghiệp AN-GIANG -

vô sản hóa quần chúng.

Tóm lại tài nguyên thiên nhiên giữ một vai trò quan trọng nhưng chưa phải là yếu tố duy nhất để cấu tạo nên một nền an ninh hoàn mỹ.

-DOẠN III . YẾU TỐ NHÂN DÂN

A . SỐ LƯỢNG

Một trong những thành tố quan trọng của tiềm năng quyền lực là yếu tố dân số, dân số đông tất nhiên tập thể mạnh. Dân số An-Giang là 531.516 người tính đến cuối năm 1968. Đây có thể là một lực lượng hùng mạnh trong vấn đề bảo vệ an-ninh, nhưng cũng chính là một mối nguy hại nếu dân đông mà trình độ dân trí thấp.

Một thí dụ điển hình là Gia-nã-Đại với 5.000.000 nhưng được coi là một cường quốc đối với Hồi - quốc với số dân lớn hơn đến 15 lần (87.000.000).

Như vậy số lượng dân chúng không phải là tiêu chuẩn quyết định nhưng nó vẫn là một tiềm năng khiến đối phương phải e-ngại.

B . MỨC TĂNG GIẢM DÂN SỐ

Tầm quan trọng của sự gia tăng dân số được Mussolini xác định khi kêu gọi dân chúng Ý-Đại-Lợi gia tăng sinh sản. "Chúng ta phải thành thật mà hỏi rằng 40 triệu dân Ý có nghĩa lý gì so với 90 triệu dân Đức và 200 triệu dân Nga" (1). Tuy nhiên sự gia tăng dân số cũng cần phải phù hợp với sự phát triển của nền

(1) Nguyễn-mạnh-Hùng "Chính-trị quốc-tế" Sách đã dẫn trang 46 -

kinh tế địa phương.

Tại AN-GIANG sự gia tăng dân số được coi là một yếu tố thiên nhiên vì các kỹ thuật gia tăng sinh sản hay ngăn ngừa chưa được áp dụng phổ thông trong quần chúng. Dân số gia tăng trung bình với tỷ lệ 15% (Năm 1968 là 532.516 so với 491.910 trong năm 1967 tức là tăng 18,3%) Sự gia tăng này thật đáng ngại cho đối-phương với đa số dân chúng theo Phật-Giáo Hòa - Hảo và hấp thụ giáo lý Học-Phật Tu nhân và quan niệm xuất thế của Đức Huỳnh giáo Chủ .

'C' THÀNH PHẦN DÂN CHÚNG

Thông thường khi nói đến thành phần dân chúng đứng trên phương diện kinh tế người ta chia dân chúng làm 2 loại : thành phần sản xuất và thành phần không sản xuất. Nhưng tại An-giang về khía cạnh an ninh điều kiện để cấu tạo thành sự toàn thiện của lãnh này là yếu tố tôn giáo.

Thành phần dân chúng với tín ngưỡng được phân phối như sau : (Bảng thống kê)

Trên đây là thống kê của tỉnh An-giang vào cuối năm 1968 về các tín ngưỡng, một yếu tố quan trọng bậc nhất, một sắc thái đặc biệt của tỉnh này.

Với 389.326 (73,2%) là tín đồ Phật - Giáo Hòa-Hảo và 46.300 (8,70%) là tín đồ Công-giáo đã từng rời bỏ đất Bắc để định cư tại vùng Cái-Sơn I (quận Huệ Đức) Đây là hai thành phần có sức đề kháng mạnh mẽ nhất với ý đồ thôn tính miền Nam Việt-Nam của Cộng-sản.

TÔN GIÁO	QUẬN				CỘNG	TỶ LỆ
	Châu Thành	Chợ Mới	Thốt Nốt	Thụ Đức		
Thờ cúng Ông Bà	8.697	6.150	2.983	50	17.880	3,30/o
Phật Giáo	33.036	6.720	6.836	5.399	51.991	9,70/o
P.G.Hòa Hảo	136.442	140.069	87.736	25.115	389.326	73,20/o
Cao Đài	6.920	11.252	2.022	1.669	21.867	4,10/o
Công Giáo	11.084	3.217	24.456	1.934	46.300	8,750/o
Tin Lành	762	80	7	70	919	0,170/o
Bahai	61	-	-	24	85	0,010/o
Hồi giáo	72	-	-	-	72	0,010/o
Các tôn giáo khác	3.248	-	75	717	4.040	0,760/o
CỘNG :	200.922	172.492	124.115	34.987	132.516	1000/o

Thêm vào đó là các yếu tố về địa lý, kinh - tế đã tạo cho An-Giang tình trạng mà giới chức có thẩm quyền địa phương mô tả là 100% về an ninh.

Để bảo vệ và duy trì tình trạng hiện hữu hầu giúp dân chúng được sống trong an-lạc thái bình, chúng ta không thể quên được các nỗ lực và cố gắng của chính quyền địa phương.

Mục 11

TÌNH HÌNH AN NINH QUA CÁC NỖ LỰC CỦA CHÍNH QUYỀN

Dựa vào các lợi điểm thiên nhiên như chúng tôi đã trình bày trong phần trên. Chính quyền địa phương đã dồn mọi khả năng để mưu tìm sự an cư lạc nghiệp cho người dân trong tỉnh. Trong những công tác cần thực hiện để đạt được mục tiêu trên tạm thời chúng ta chia ra làm 3 lãnh vực :

- Quân sự (bảo vệ lãnh thổ)
- Thi hành luật pháp
- Ổn định chính trị .

ĐOẠN 1 . MÔ TẢ AN NINH QUA LÃNH VỰC QUÂN SỰ

Hiện nay Việt-Nam đang ở trong giai đoạn chiến tranh một cuộc chiến tranh ý thức hệ kéo dài hơn 20 năm Bình định Nông thôn được coi là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược chống lại chiến thuật du-kích của Cộng-sản. Do-đó mà quốc-phòng vẫn luôn luôn có một địa vị ưu tiên đối với mọi lãnh vực khác. Binh pháp của Tôn-võ-Tứ có câu "Biết người, biết ta, trăm trận, trăm thắng". Vì vậy nói đến nền an-ninh của An-giang cần phải thấu hiểu thực lực của cả hai bên.

(A). TIỀM NĂNG QUÂN SỰ CỦA TỈNH (1)

1 . Lực lượng ianh thô

a) Địa phương quân : gồm

- 4 bộ chỉ huy tiểu đoàn và 3 bộ chỉ huy liên đội.
- 32 đại đội địa phương quân
- 01 đại đội tuần giang.

b) Nghĩa quân -

- 78 trung đội gồm 50 trung đội cho 4 quận

c) Các lực lượng tăng phái -

- 01 trung đội pháo binh

d) Lực lượng xuất phái -

- Cho T.K Kiên-giang : 01 Bộ chỉ huy tiểu-đoàn và 4 đại đội Địa phương quân .
- Cho T.K Chương-thiện: 01 Bộ chỉ huy tiểu-đoàn và 4 đại đội Địa-phương quân.
- Cho thiết đoàn II kỵ binh : 01 đại đội tưng thiết.
- Cho đặc khu Phú-quốc : 02 Commando car.

(1) Tài-liệu của Hội-đồng binh-định Phát-triển tỉnh AN-GIANG -

II . Các lực lượng an ninh khác

- a) Nhân dân tự vệ : đã tổ chức 71.773 đoàn - viên.
- b) Cảnh sát Quốc-gia: 1.730 nhân viên
- c) Cảnh sát dã-chiến: 01 đại đội 222 người .
- d) Cán-bộ phát triển nông thôn : 75 người .
- e) Cán-bộ võ-trang tuyên truyền: 06 người .
- f) Đơn vị thám sát : 84 người chia ra
Mỗi quận 18 người và tỉnh lỵ 12 người .

III. Chủ lực quân

Quân chính quy đặt hậu cứ tại tỉnh AN - GIANG gồm các Tiểu-đoàn 47 pháo-binh, tiểu-đoàn 73 Công-binh kiến-tạo, tiểu-đoàn 403 công-binh chiến đấu, thiết-đoàn 16 kỵ-binh, tiểu đoàn 58 và 44 Biệt-động-quân. Ngoài ra còn một số các quân y viện, căn cứ truyền tin, yểm trợ và tiếp vận.

(B). LỰC LƯỢNG CỦA ĐỊCH (1)

Tại An-giang không hề có sự hiện diện thường trực của các lực lượng chính quy Cộng-sản. Căn cứ theo tài liệu bắt được và sự khai thác khéo léo các tù binh thì quân số của địch gồm :

- 3 đại-đội địa phương
- 7 đại-đội du-kích xã.

.....
(1) Tài-liệu của ban 2 T.K AN-GIANG -

Nhưng lực lượng tinh báo của tiểu khu chỉ tiếp xúc được với một đại đội quân địa phương mà quân số ước lượng chừng 20 tên. (1)

(C) HOẠT ĐỘNG CỦA TỈNH TRONG LÃNH VỰC BẢO VỆ AN NINH

Sự mất quân bình giữa lực lượng của hai bên như vừa trình bày ở phần trên đã giúp cho ANGIANG thoát khỏi những trận chiến tàn khốc như các tỉnh lân cận. Tuy vậy các giới chức quân sự vẫn đề phòng các hoạt động chuyển quân của Cộng-sản trong khu vực trách nhiệm bằng những cuộc hành quân an-ninh lãnh thổ. Nhưng ngoài những dụng độ, ám sát bất cóc và khủng bố lẻ tẻ của du kích quân, từ năm 1968 cho đến nay, người ta chỉ thấy hai cuộc chạm súng được coi là quan trọng.

1/ Hành quân Cửu-Long ANGIANG 881 từ 13/5 đến 17/5/1969 để đẩy lui sự xâm nhập của tiểu đoàn 520 cơ động tỉnh Kiên-Phong vào xã Long-Kiến quận Chợ-Mới.

2/ Hành quân Cửu-Long An-Giang 883 từ 26/10 đến 28/10/1972 để đẩy lui tiểu đoàn K 9 thuộc trung - đoàn 101 D hợp với tiểu đoàn A 12 cơ động tỉnh Châu Hà (Quân khu 3 Cộng-sản) xâm nhập vào quận Huệ-Đức. (2)

Ngoài ra chúng ta không còn ghi nhận một trận đánh đáng kể nào khác .

(D) TỔN THẤT (1)

Trong năm 1972 số tổn thất của cả hai bên là một sự kiện đặc biệt so với tình hình chung trong toàn

(1) Tài-liệu của ban II Tiểu-khu AN-GIANG -

(2) Tài-liệu của ban III Tiểu-khu AN-GIANG -

(3) Bảng tổng kết tình hình trong năm của phòng hành quân tiểu khu.

quốc với cuộc tấn công mùa hạ của Cộng-sản Bắc-Việt.

1/ Về phía bạn -

a) Số hy-sinh :

- Tăng cường Kiên-Giang..... 66 người
- Khu vực trách nhiệm A.G..... 49 người

b) Bị thương :

- Tăng cường Kiên-Giang..... 263 người
- Khu vực trách nhiệm A.G..... 175 người

c) Mất tích : 02 người

2/ Về phía địch -

a) Chết :

- Tăng cường Kiên-Giang..... 217 người
- Khu vực trách nhiệm..... 228 người

b) Bị bắt :

- Tăng cường Kiên-Giang..... 7 người
- Khu vực trách nhiệm A.G..... 373 người

c) Hồi chánh :

- Do quân đội..... 4 HCV
- Do Ty Chiêu-hồi..... 60 HCV

Nếu đem so sánh các hoạt động và tổn thất của đôi bên: Ta nhận thấy rõ các sự cố gắng và nỗ lực của chính quyền địa phương trên lãnh vực quân sự để giữ vững một tình trạng an-ninh hoàn hảo.

Đây chính là điểm quan trọng cấu-tạo thành tình hình an ninh trong lãnh vực chống lại các áp-lực từ bên ngoài.

DOAN II . TÌNH HÌNH AN NINH QUA SỰ ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ

Sự ổn định chính trị của tỉnh An-Giang tùy thuộc nhiều vào tình hình chính trị tại Trung-ương. Lý do dễ hiểu là các đảng phái chính trị tuy đều có đặt trụ sở của tỉnh bộ tại An-Giang nhưng hầu hết đều chỉ trên lý thuyết. Trên thực tế chúng ta nhận thấy chỉ một số đảng phái có tỉnh bộ thực sự hoạt động như :

- Tỉnh bộ Quốc dân đảng
- Tỉnh bộ Phong-trào Quốc-gia Cấp-tiến
- Tỉnh bộ Dân xã đảng
- Đảng Dân chủ v..v..

Điểm quan trọng đặc biệt cần lưu ý đến là đối với Dân xã đảng, hầu như tất cả tín đồ của PhậtGiáo Hòa Hảo đều tự coi mình là đảng viên và có trách nhiệm với sự hưng vong của đảng phái chính trị này.

Đây cũng là một sự khó khăn cho các chính quyền địa phương khi bị đưa vào những cuộc tranh chấp nội bộ.

Vai trò và hoạt-động của chính-quyền địa phương chỉ gò bó trong những việc giải quyết khôn - khéo các cuộc tranh chấp cá nhân hay giúp đỡ các đảng phái với những phương tiện sẵn có. Ngoài ra, các khó khăn với tầm quan trọng đặc biệt đều phải chờ quyết định từ Trung-ương.

Tóm lại nỗ lực và cố gắng của chính-quyền địa phương không có gì đặc sắc ngoài việc đứng trung gian hòa giải, nhám mắt làm ngơ, hay giúp đỡ phương tiện cho các đảng phái khi cần.

ĐOẠN III . TÌNH HÌNH AN NINH QUA SỰ THỰC HÀNH LUẬT PHÁP

Trong việc bảo đảm an-ninh nội bộ ta thấy có sự phối hợp hoạt động giữa 3 cơ-quan.

(A) LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT

Trong năm 1972 con số dự trù của Ty Cảnh sát Quốc-gia ANGIANG là 1.754 người, nhưng chỉ thực hiện được 1.730 nhân viên Cảnh sát. Ngoài ra còn có thêm 1 đại đội Cảnh-sát Dã-chiến với nhân số là 223 người.

(B) TIÊU ĐỘI QUÂN CẢNH TỬ PHÁP

Với cấp số quá ít ỏi, lực lượng này đã không làm tròn bổn phận trong công tác ngăn ngừa các vụ phạm-pháp do quân nhân gây ra.

(C) CƠ QUAN TỬ PHÁP

Được thành lập do Sắc-lệnh 118/56 ngày 22/8/68 của Thủ-tướng biến đổi Tòa Hòa-Giải rộng quyền An-Giang được biên đổi thành Tòa Sơ-Thẩm và chính thức hoạt động kể từ ngày 4/11/1961.

Thành quả được ghi nhận như sau :

1/ Đã thụ lý :

- 1.454 vụ trình do cơ quan Cảnh-sát chuyển sang .
- 345 vụ Hộ
- 5 vụ Thương-Mãi
- 12 vụ Nhà phố .

- 5 vụ lao-động
- 49 vụ khẩn cấp
- 45 vụ cải-cách điền-địa

b) Công tác giáo-dục quần chúng -

Nhằm mục đích hướng dẫn dân chúng thấu hiểu thêm về Luật pháp. Cơ quan Tư-pháp đã phổ biến.

- 6.712 quyển sách "Đòa đến với dân" giải thích rành mạch về Luật-Pháp.
- 3.500 tờ tóm lược chỉ dẫn luật pháp thường - thức cùng các thủ tục liên hệ (1)

Tóm lại trong lãnh vực thi hành luật pháp, các cơ quan hữu trách đã áp dụng những biện pháp trừng trị cũng như hướng dẫn quần chúng để giảm thiểu các hành-động vi phạm luật lệ gây ra xác trồn. Tuy nhiên điểm cần chú ý là với một lực lượng quân sự hùng hậu của địa - phương như vậy mà chỉ có chừng 20 nhân viên Quán cảnh là một nguy hiểm và tạo thành sự bất lực của các nhân viên Cảnh-sát Quốc-gia.

Với một lợi điểm về thiên nhiên, sự phồn thịnh về kinh tế và thương-mại cùng những cố gắng của chính-quyền địa-phương. Nhất là trong lãnh vực quân sự bảo vệ lãnh thổ. Thật ra thì những ưu điểm này cùng những cố-gắng khác đều không ích lợi gì cả nếu không kiểm soát được dân chúng và nắm vững được toàn thể nhân viên trong tỉnh đã là tốt. Nhưng nếu có sự tự nguyện góp sức với chính-quyền địa phương thì Cộng-sản sẽ không còn địa bàn để hoạt-động. Trong chiến tranh-du kích Cộng Sản đã dùng chiến lược "lấy nông-thôn bao vây thành thị" và lợi dụng sự ngu dốt và nghèo khổ của giới nông dân để sách động.

(1) Tài-liệu của Tòa Sơ-Thẩm AN-GIANG -

Cộng-sản còn dùng dân chúng ở thôn quê để làm nơi ẩn-náu dễ dàng. Cũng chính vì ý thức được tầm quan - trọng của nông dân và nông thôn trong giai đoạn chiến-tranhdu kích nhiều chính-sách đã được đưa ra với mục đích kiểm soát thôn quê và tập trung nông dân. Tại ANGIANG chính quyền không cần phải tốn sức để kiểm soát nông dân vì chính họ đã tự là một các bộ đặc lực trong hệ thống tình báo nhân dân vô hình nhưng vô cùng hữu hiệu.

Các lợi điểm thiên nhiên và cố-gắng của chính-quyền cũng chỉ là bọt biển nếu tinh thần dân chúng nghiêng về phía Cộng-sản. Chính vì vậy tình-hình an ninh khả-quan của AN-GIANG còn rất cần đến sự hợp - tác tự nguyện của dân chúng (nói chung) và tín đồ Hòa-Hảo (nói riêng).



CHƯƠNG HAI

GIẢI THÍCH SỰ ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Nếu đem so sánh AN-GIANG với một số tỉnh khác thuộc vùng Châu-Thô sông Cửu-Long, với cùng một điều kiện về kinh-tế, địa-lý và quân sự hoặc một đôi khi còn mạnh mẽ và lớn hơn như Định-Tường, Vĩnh-Long, Phong Dinh v..v... Chúng ta có thể nhận thấy yếu tâm lý của dân chúng cũng đã là một thành tố quan trọng đặc biệt trong việc cấu tạo sự an-ninh của địa-phương.

Trong tình thế hiện tại, đối thủ của chúng ta là Cộng-sản đang cố gắng lãnh-trưởng chủ-nghĩa bằng cuộc chiến-tranh du-kích. Với chiến lược này, Cộng-sản đã phải "cần có dân, duy-trì dân, vận-dộng dân hay cưỡng bách dân ủng hộ thì chúng mới có thể sống được. Vì thế chiến-tranh du-kích mà Cộng-sản đang áp-dụng chỉ có thể và phải là một chiến tranh nhân dân. Nguồn gốc của du-kích là nhân-dân" (1)

Do đó muốn thắng cuộc chiến-tranh này (trên bình diện Quốc-gia) và bình-định lãnh-thổ địa-phương, (đối với AN-GIANG) chúng ta phải tách địch ra khỏi dân

(1) Nguyễn-hữu-Khôi. Thử tìm một quan-niệm chống du kích tại Việt Nam, Nghiên-cứu Hành-chánh Số 2 tập 13 năm 1970 trang 12 -

chúng. Không những thế, chúng ta còn phải dùng nhân - dân làm lợi khí, công cụ phát giác ra đối phương . Sự kiểm-soát nhân dân được thực hiện bằng nhiều phương-thức khác nhau. Chúng ta có thể cưỡng bách dân - chúng với nhiều hình thức để tập trung vào những khu vực đã được định sẵn. Chính-sách Ấp Chiến Lược trong năm 1962 Hoặc có thể thu phục cảm tình của dân chúng bằng những chương-trình cải tiến dân sinh, nâng cao đời sống dân chúng.

Tại AN-GIANG, từ trong nguồn gốc, nhân dân đã là một thành phần chủ yếu quyết định sự suy giảm của mức độ an-ninh địa-phương. Hay nói khác đi là nhân dân tỉnh An-Giang, với 70% là tín-đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo, đã đóng góp khá nhiều vào sự bình-định và ổn-cố địa phương

Trong chương này, chúng ta sẽ giải thích sự đóng góp của tôn - giáo qua những hình-thức trên lý thuyết mà sự nghiệp của Đức Huỳnh giáo Chủ đã để lại và qua những hoạt-động cụ thể trên lãnh vực chính - trị và bảo vệ an-ninh.

Chương này sẽ đ được nghiên-cứu qua 3 mục

- Mục I Sự đóng góp dựa trên lý-thuyết
- Mục II Ảnh-hưởng các hoạt-động chính-trị
- Mục III Nhân-dân và công-cuộc bảo-vệ an ninh

Mục I

SỰ ĐỒNG GÓP DỰA TRÊN LÝ THUYẾT

Với một địa-phương mà Phật-Giáo Hòa-Hảo gần như chiếm một địa vị độc tôn, tất nhiên ảnh-hưởng của Giáo-hội rất lớn, nhất là trên phương diện phát triển kinh-tế và chấp hành luật-pháp Quốc-gia.

Thật ra hai vấn đề này bao gồm cả hai lãnh vực trên thực-tế và trên lý-thuyết. Nhưng trên phương diện kinh tế, Giáo-hội đã không có những chương trình và kế-hoạch giúp đỡ tín đồ một cách tích cực để phát-triển địa-phương. Chính vì vậy mà sự khuyến-khích phát triển kinh tế chỉ được nhận thấy qua giáo thuyết hay thực tế hơn là qua trình thành lập hoặc các hành động cụ thể của các nhà lãnh-đạo tinh-thần trong quá khứ.

Đứng trên phương diện thi-hành luật pháp Quốc-gia. Giáo-hội cũng chỉ đưa ra những lý thuyết làm lãnh tránh dữ như mọi tôn-giáo khác trên thế giới. Đôi khi cụ thể hóa bằng việc trực xuất một vài tín-đồ có những hành động phương hại đến an-ninh ra khỏi tổ-chức. Nhưng thật ra thì sự thi hành luật pháp đã được mặc nhiên chấp nhận trong một tập thể nông dân ít học và chất phác. Trong các sinh hoạt của đời sống, nhân-dân luôn luôn tránh né những sự phiền phức khi can giao tiếp với các lực lượng duy trì an-ninh hay những cơ-quan công quyền.

Một điều mà chúng ta cần lưu ý là đối với giai cấp nông-dân này, với sự ưu đãi của thiên-nhiên, họ chỉ chí thú làm ăn, hoặc chỉ mong sao no ấm qua ngày. Không mấy khi họ thắc mắc đến những công việc, ngoài việc đồng áng thường lệ. Vì vậy việc thi hành luật pháp Quốc gia chỉ được đặt thành vấn đề đối với các giới có một trình độ học vấn tương đối cao hay một thiểu số người sống tập

trung tại các vùng thị tứ mà thôi.

Vì vậy, trong phần này chúng ta sẽ chỉ nghiên cứu đến sự khuyến-khích của Giáo lý Phật-Giáo Hòa - Hảo trong lãnh vực phát-triển kinh-tế và thi hành luật - pháp. Một đôi khi sự khuyến-khích này được thể hiện qua các hoạt-dộng khai đất phá rừng của các vị lãnh tụ từ trước.

ĐOẠN I . PHẬT GIÁO HÒA HẢO KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I Trong giai đoạn tiền khai sáng Phật Giáo Hòa Hảo

Trước khi xuất hiện Phật-Giáo Hòa-Hảo mà ông Huỳnh phú Sổ làm giáo chủ thì người ta đã nhận thấy có một số người đi trước ta tạo dựng một tông phái gọi là Bửu - Sơn Kỳ-Hương. Những người này khai sáng và hoằng dương đạo pháp theo một khuynh-hướng mới gồm: Đức Phật Thầy Tây-An, Đức Bốn Sư, Đức Phật Trùm v..v... Trong số những người này ảnh hưởng của Đức Phật Thầy Tây An đã chiếm một khu vực khá mạnh trong sự phát triển kinh tế địa phương.

Kinh tế Việt-Nam lấy nông-nghiệp làm nền tảng căn bản để phát-triển. Vì vậy nói đến sự phát - triển kinh tế chúng ta phải chú ý vào việc phát - triển Nông Nghiệp.

Nguyện vọng của ông Thoại ngọc Hầu đối với vùng Thất Sơn và An-Giang được ghi trên bia đá ở Núi Sam.

"Sao cho đồng ruộng đông đúc nhà cửa, có vườn dâu, vườn gai và khói bếp trong nhà bay lên đó đây

không dứt". (1)

Đó cũng chính là nguyện vọng của Đức Phật Thầy khi đến vùng đất hoang dã này.

Theo Đại-Nam Nhất Thống Chí thì sau rời Kiến-Thành, Đức Phật Thầy đến núi Sam, xây dựng nhiều ngôi chùa, rồi đến Thới Sơn lập một trại ruộng. Đức Phật Thầy đã phát thuốc ngừa Sơn lam chướng khí để khuyến - khích đồng bào phá rừng, khai hoang, trồng lúa bắp, dựng lập làng ấp.

Ban ngày thì đốn cây phá rừng làm ruộng làm rẫy, ban đêm về nhà nghiên-cứu, nghiên ngẫm lời dạy đạo

Sau đó Đức Phật Thầy lại đến Láng-Linh lập một trại ruộng thứ hai, đặt tên là Bửu hương Các.

Lúc đầu việc khai hoang không đem lại kết quả như ý, Nhưng theo hai ông G. Coulet và Gourou thì vùng Láng-Linh, nhờ sự khai hoang và việc áp dụng giống lúa Sạ của Cambodge mà thu đạt được rất nhiều hoa lợi.

Và ngày nay, thì việc trồng lúa Sạ trên các đồng ruộng ngập nước vẫn chiếm một địa vị quan - trọng trong nền nông-nghiệp của AN-GIANG, mặc dù chính - quyền đã cố gắng khuyến khích dân chúng trồng lúa thán nông để có hoa lợi cao hơn!

2/ Dưới thời Đức Huỳnh-giáo-Chủ -

Trong phần thứ nhất, khi nói đến nguồn gốc thành lập Phật-Giáo Hòa-Hảo, chúng ta đã thấy Đức Huỳnh giáo-Chủ dấu rằng từ tư thế một vị Giáo-chủ chuyên bước sang hoạt-dộng chính-trị, Ngài vẫn không quên nghĩ đến việc nâng cao kinh tế nước nhà .

(1) Bia đá này được đặt tại đền thờ của Ngài tại Núi Sam , thuộc tỉnh Châu-Đốc .

Đức Thầy đã tiên đoán nước nhà sẽ trải qua một cuộc chiến tranh dai dẳng làm cho nhân dân phải đói khổ mọi bề. Vì vậy cần có một chương trình khuyến - sung Nông-Nghiệp ngõ hầu đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của toàn dân.

Để thực hiện chương trình này, Ngài đã đi một vòng trên 40 địa phương trong các tỉnh miền Hậu - Giang để khuyến khích tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo và dân chúng nên gắng sức tăng gia cấy cấy phát - triển Nông - Nghiệp qua một số thi văn như sau :

" ... Cả kêu điền chủ nông phu ,
Đứng lên đừng để ruộng đồng bỏ hoang "

" ... Một phen vác cuốc ra đồng ,
Thề rằng ruộng phải được trồng lúa khoai "
"Gởi một tác lòng son nhắn nhủ ,
Khuyến đồng bào hãy rủ cho đông .
Nắm tay trở lại cánh đồng ,
Cần lao nhân nại Lạc-long Tổ-truyền" (1)

là những lời lẽ thiết tha và cũng là những diễn ý sâu sắc về ý niệm khuyến-trương Nông-nghiệp của Ngài tiên liệu cho toàn thể tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo ở miền Châu Thổ sông Cửu-Long.

Nhưng với tình thế hiện tại , sự phức tạp của các yếu tố ngoại lai đã khiến chương trình của Đức Huỳnh Giáo Chủ không thu đạt kết quả như ý . Sự bất ổn về chính trị, việc chuyển hướng đấu tranh sau ngày Đức Huỳnh giáo Chủ ra đi, cộng thêm các yếu tố, địa thế cơ chế hóa đã khiến cho tư tưởng của Ngài không được phát-triển trên hành động. Cho đến nay vẫn chỉ hữu ích trong phương diện lý thuyết của tôn giáo.

(1) Lược sử Đức Huỳnh Giáo Chủ : Trung-tâm Phổ giáo ấn hành .

Tuy nhiên dù sao chương trình khuyến - sung Nông nghiệp của Đức Huỳnh giáo Chủ cũng đã mở cho ta thấy rõ thêm về một quan niệm tu hành nhập thế, đạo và đời song hành khác với một số tôn giáo khác.

·DOAN II . SỬ THI HÀNH LUẬT PHÁP QUỐC GIA

Trong giáo lý của tôn giáo, Đức Phật Thích Ca cũng như Đức Huỳnh giáo Chủ đều đã gián tiếp khuyên dân - chúng, tín đồ tôn trọng luật pháp Quốc-gia, luân-lý xã hội qua sự tu nhân và đền đáp tứ Ân trong cuộc sống con người.

Thật vậy xuyên qua giáo lý, học thuyết của Phật Giáo Hòa-Hảo, chúng ta không hề thấy một điểm nào bắt buộc tín đồ phải thi hành nghiêm chỉnh luật pháp Quốc gia cả. Nhưng khi đưa ra quan niệm đền đáp tứ - ân. Phật giáo Hòa-Hảo đã vô tình khuyên tín đồ và dân chúng bảo vệ trật tự xã-hội. Trong 4 điều ân mà tín đồ phải lo tròn thì AN TAM BẢO (Phật pháp tạng) đã phải đặt dưới ân tổ-tiên Cha mẹ và ân đất nước.

1/ Trong ân Tổ-tiên, cha mẹ -

"Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ còn sanh tiền có dạy ta điều hay lẽ phải ta rón chăm chỉ nghe lời.."

"... Còn đền ơn tổ tiên là đừng làm điều gì tội tệ điếm nhục tông môn".(1)

Nền luân lý Việt-Nam chịu ảnh hưởng khá nhiều của Trung-hoa, và cho đến nay dân chúng vẫn giữ vững

(1) Huỳnh Giáo Chủ. Những điều sơ lược cần biết của người tu hiền
tháng 6/1945 -

quan niệm là việc đưa nhau ra trước công môn dù thắng hay bại, thì cả hai bên đều bị coi là những phần tử không tốt, làm phương hại đến uy-tín và danh dự gia đình .

Qua sự đền đáp ân tổ tiên cha mẹ. Đức Huỳnh-giáo Chủ đã hướng dẫn tín đồ trong việc tuân hành luật pháp Quốc-gia .

2/ ÂN ĐẤT NƯỚC -

"Hãy tùy tài sức, nỗ lực hy sinh cho xứ sở. Thắng như không đủ tài lực đảm đương việc lớn, chưa gặp thời cơ giúp đỡ quê hương, ta phải rón tránh đừng làm việc gì sơ xuất đến nỗi làm cho nước nhà đau khổ ... ".

Để sửa soạn cho việc chuyển hướng sang hoạt động chính trị và tranh đấu, Đức Huỳnh-giáo - Chủ đã khuyên dân chúng như trên trong việc trả ân đất nước(1)

Đứng trên phương diện luật pháp, việc giúp sức cho kẻ ngoại địch được ghép vào tội phản nghịch , một trọng tội có thể đưa đến tử hình. Luật pháp đã quy định chặt chẽ và tỷ mỉ các tội xâm phạm an-ninh Quốc-gia, chính quyền và trật tự công cộng trong các điều 108-135 bộ Hình luật Việt-Nam.(2)

Tóm lại trong ân đất nước, Đức Huỳnh -giáo-Chủ đã dựa trên một khía cạnh của sự tôn trọng luật pháp Quốc-gia để khuyên dạy tín đồ của mình.

Ngoài ra trong giáo điều Tu Nhân hay Học Phật của Phật-Giáo Hòa-Hào Đức Phật Thầy cũng như Đức Huỳnh-giáo Chủ đã chú trọng đến khía cạnh bảo vệ luân lý và trật tự xã hội để khuyên dạy tín đồ cách ăn ở cho phù hợp với lối xóm bạn bè, tình thầy trò, đạo vợ chồng ... Đức Huỳnh giáo Chủ đã cùng quan niệm của Nho Giáo để cho

(1) Huỳnh-Giáo-Chủ. Những điều sơ-lược cần biết của người tu hiền tháng 6/1945 -

(2) Sắc-luật 026/TT/SL ngày 20/12/1972 -

rằng nếu mọi người đều biết Tu Nhân xử kỷ thì luật pháp đã không được đặt ra.

Tất cả mọi giáo thuyết của các tôn - giáo đều không có tính cách bó buộc, vì vậy những điều căn bản của giáo lý Phật-Giáo Hòa-Hảo chỉ có tính cách nhiệm ý, khuyên dạy tín đồ mà thôi. Trong thực tế, mọi hành động của người dân trong xã hội trên hai lãnh vực phát triển kinh tế và thi hành luật pháp Quốc-gia còn tùy thuộc vào một số ảnh hưởng từ bên ngoài. Và những yếu tố này là nguyên do chính đưa đến việc thiếu phát triển địa phương và sự hiện hữu của các lực lượng duy trì Pháp-Luật và trừng trị kẻ phạm-pháp .

Mục II

ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Sự ổn định chính trị tại một Quốc-gia, khu vực trách nhiệm là nền tảng cho sự phát triển địa - phương khi dồn tất cả nỗ lực để hòa giải các tranh chấp trong nội bộ, chính-quyền địa phương sẽ bớt chú ý đến các khía cạnh khác.

ĐOẠN I SỰ THAY ĐỔI LẬP TRƯỞNG TRONG CÁC GIAI ĐOẠN

Cơ quan hoạt động trong lãnh vực chính trị của Giáo hội là Việt-Nam dân chủ xã-hội đang được gọi tắt là Dân xã đảng. Được chính thức thành lập do tuyên ngôn của Đức Huỳnh giáo Chủ ngày 21/9/1946 với sự thỏa thuận và hợp tác giữa nhiều đoàn thể Quốc-gia chân chính. Tùy theo giai đoạn, môi trường hoạt động, Dân xã đảng khi thiên về những hoạt động quân sự, khi lại mang tính cách một đảng phái chính-trị thuần túy.

Để dễ nghiên cứu, chúng ta tạm thời chia hoạt động của Dân xã đảng làm

- 1) Giai đoạn kháng Pháp
- 2) Giai đoạn chống độc tài
- 3) Giai đoạn phục hưng.

(A) TRONG GIAI ĐOẠN KHÁNG PHÁP

Được thành lập với Đức Huỳnh giáo Chủ vào ngày 2/9/46 nhưng chẳng được bao lâu thì Đức Thầy thọ nạn tại Đốc Vàng. Đoàn thể này bị tan rã và Nguyễn - Bình và chính quyền Pháp đàn áp dữ dội.

Người thay thế Đức Huỳnh giáo Chủ để tiếp tục con đường Cách mạng một cách tích cực nhất là tướng trẻ tuổi Lê quang Vinh tự Ba Cụt cầm cự cho đến ngày đất nước bị chia đôi.

Trong giai đoạn này đoàn thể với mục đích kháng chiến chống Pháp, đã tự vũ trang thành một lực - lượng quân sự biệt lập với sự chỉ huy của Ba Cụt. Vì giới hạn của đề tài và ảnh hưởng quân sự quá mạnh và giai đoạn chống Pháp đã qua, chúng ta nói đến phần này với sự tóm lược để có sự liên tục trong các hoạt động của đảng.

(B) GIAI ĐOẠN CHỐNG ĐỘC TÀI

Ngày 20/7/1954 Hiệp định Genève đã phân đôi lãnh thổ. Năm ngày sau Việt-Nam Dân xã đảng đã tổ chức các cuộc biểu tình tại các tỉnh Long-xuyên, Cần-thơ, và một vài nơi khác để phản đối hiệp định này.

Đến cuối tháng 7/1954 Đảng ra lệnh đóng cửa các trụ sở và rút toàn bộ quân lực của Tướng Vinh về

chiến khu với mục đích :

- Cụ thể hóa việc không thừa nhận hiệp định Genève.
- Phản đối sự bất lực của chính phủ Ngô - đình Diệm.

Lập trường chính trị dứt khoát này đã mở đầu cho giai đoạn chiến tranh khốc liệt.

An-Giang được trấn giữ bởi Trung đoàn Bắc tiến đã bị quân chính-phủ tấn công mãnh liệt suốt 7 ngày. Cho đến ngày 23/6/1955 thì quân Phật-Giáo Hòa-Hảo thua to phải rút về hợp với Trung đoàn Nguyễn-Huệ đóng tại vùng Cờ đỏ, Giồng Riềng .

Sự chống đối không còn nữa, hay chỉ còn lẻ - tẻ thiếu tổ chức của một vài nhóm võ-trang tại Chợ Mới , Thốt-Nốt, khi viên Tư lệnh quân lực Dân xã đảng là Tướng Lê-quang Vinh bị bắt và xử tử. Tiếp theo đó là viên Tư lệnh Phó là Phan-Công-Cần tử trận vào 24/5/56.

Tỉnh An-Giang trở thành một vùng tranh - chấp không ngừng giữa lực lượng võ trang của đảng và quân đội chính quyền.

Từ một đảng phái chính-trị, nhưng vì lập trường chính trị đã biến tổ chức này thành một lực lượng phản loạn vào thời bấy giờ và kéo theo sự tan rã của đoàn - thể.

(C) GIAI ĐOẠN PHỤC HƯNG

Trước ngày thành lập Việt-Nam Dân xã đảng, tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo đã tích cực chống lại ViệtMinh dưới danh nghĩa của lực lượng "Nghĩa quân Cách-mạng Vệ - quốc liên đội Nguyễn-trung-Trực". Liên đội này đóng tại vùng Chợ Mới An-giang .

Cuộc xung đột võ trang của đoàn thể này bắt đầu từ ngày 22/8/1945 khi Việt-Minh nắm chính quyền. Tổ chức này với mục đích tiêu diệt các lực lượng quốc gia đã thủ tiêu, tàn sát hàng ngàn tín đồ.

Từ trước ngày thành-lập cho đến ngày Cách-Mạng 1/11/1963 đoàn thể này đã gặp không biết bao gian truân trắc trở do các ảnh hưởng ngoại lai. Nhưng cho đến ngày mà đoàn thể có thể hoạt động một cách công khai dưới thời kỳ chuyển tiếp và nền đệ II Cộng-hòa. Trong năm 1965 sự khác biệt lập trường giữa các nhóm lãnh đạo Phật - Giáo Hòa-Hảo đã đưa đến một tình trạng hỗn loạn tại AN-GIANG. Sự việc xảy ra khi nhóm Trình quốc Khánh tự đứng ra tổ chức bầu ban chấp hành Trung-ương của giáo hội. Các nhóm còn lại tẩy chay và phản đối đưa đến cuộc xung đột đẫm máu tại các đảng viên hạ tầng.

Ngày nay, sau một thời gian phân hóa, tập thể này đã được thống nhất, dù chỉ là gương ép, cũng là một điều đáng mừng cho các giới thẩm quyền tại địa phương. Các xu hướng khác biệt, trên lý thuyết không còn nữa, tập thể đã dồn nỗ lực vào việc củng cố hệ thống giáo-hội, tổ chức nhân dân phát huy tiềm năng đảng phái, góp phần xây dựng và bảo vệ xứ sở.

ĐOẠN II . ẢNH HƯỞNG CÁ NHÂN VÀ SỰ THAM GIA VÀO GUỒNG MÁY

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

A . ẢNH HƯỞNG CÁ NHÂN .

Trong phần thứ nhất, chúng ta đã trình bày sự phân hóa của giáo hội và Dân xã đảng sau khi Đức Huỳnh-giáo Chủ ra đi. Từ sự phân hóa này, các cá nhân đã tạo dựng một hậu thuẫn nhân dân sau lưng mình để thành những nhóm áp lực địa phương, chi phối guồng máy chính quyền địa-phương.

Những nhóm áp lực chính tại An-Giang gồm có các nhân vật chính như :

- a) Lâm thành Nguyên
- b) Nguyễn hữu Lễ tự Trình-quốc-Khánh vùng Thốt Nốt .
- c) Phan bá Cầm
- d) Trần duy Đôn vùng Mỹ-Luông và Chợ Mới.

Ngoài ra tại 4 quận của AN-GIANG chúng ta còn nhận thấy xuất hiện một số nhân vật uy-tín (1)

- a) Quận Châu Thành gồm có Bảy Xung, Lương-văn-Huê, Nguyễn-văn-Huê
- b) Huệ-Đức Trần-văn-Đôi
- c) Chợ Mới Út-Thôi
- d) Thốt-Nốt Trần-minh-Tâm

Các nhóm áp lực địa phương và uy tín của cá nhân đã trở thành 1 yếu tố quyết định trong việc tham gia vào sự cai trị địa phương mà chúng ta sẽ thấy qua cuộc bầu cử Hội-đồng Tỉnh An-Giang dưới đây.

B . SỰ THAM GIA VÀO QUỖNG MÁY CHÍNH QUYỀN-ĐỊA PHƯƠNG

Trong cuộc bầu cử được tổ chức vào ngày 30/5/65 số ứng cử viên ghi danh tranh cử là 22 người được chia như sau :

- 1) Đại diện cho giáo-hội PGHH.....11 người .

(1) Tài-liệu của Ty Nội-An AN-GIANG -

- 2) Đại diện cho tập đoàn cựu chiến sĩ PGHH 2 người
- 3) Ứng cử viên độc lập 9 người

9 ứng cử viên này được coi là độc lập vì không được giáo hội chính thức đề cử nhưng đều là tín đồ của Phật-Giáo Hòa-Hảo.

Kết-quả chi tiết như sau :

1) Trần văn Lành	Đại-diện giáo-hội	75.349
2) Trần văn Thông		74.401
3) Trần tấn Nhiều		68.982
4) Nguyễn thành Kinh	UCV Độc-lập	68.868
5) Nguyễn văn Nền	- nt -	67.763
6) Lê quang Mười	Đại diện giáo-hội	67.421
7) Võ thành Công		65.599
8) Trần văn Minh		65.525
9) Lê công Trọng		65.260
10) Nguyễn văn Nho		64.436
11) Nguyễn văn Huệ		64.196
12) Nguyễn văn Lượng		62.999

(1)

Như vậy kết quả cho thấy trong số 12 người đặc cử thì :

- 10 người thuộc được sự chỉ định của giáo hội
- 2 người đặc cử nhờ uy tín cá nhân

Người đứng thứ 13 chỉ thua ông Lượng 814 phiếu là người duy nhất do Tỉnh hội PGHH đề cử đã thất cử .

.....
 (1) Tài liệu của tòa Hành-chánh tỉnh AN-GIANG -

Qua bảng kết quả bầu cử, chúng ta có một nhận xét là giữa những người ứng cử không có một cá nhân nào nổi bật hay xuất sắc cả. Điều này có thể được giải thích vì tất cả đều là tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo nên cử tri tự do lựa chọn người mình ưa thích.

Như vậy qua 1 cuộc bầu cử điển hình của tỉnh này, chúng ta đã thấy Tỉnh Hội Phật-Giáo Hòa Hảo đã có một uy thế rõ rệt đối với guồng máy chính quyền và tập thể Phật-Giáo Hòa-Hảo đã chiếm trọn 100% số ghế hội viên Hội-đồng Tỉnh.

Điều này chứng tỏ thực lực chính trị của Tỉnh hội (nói riêng) giáo hội nói chung đối với các cấp Chính quyền địa phương .

Tín đồ PGHH với thành phần nông dân ít học chiếm đa số, lập trường chính trị, sự hiểu biết về đường lối Quốc-gia chỉ được thể hiện qua sự ảnh hưởng của các lãnh tụ tôn giáo. Tâm lý chung chỉ xuất phát thành sự đồng-kháng khi quyền lợi của chính họ hay tập thể bị xâm phạm mạnh mẽ và nhất là có sự kêu gọi của giới lãnh đạo. Dù rằng sự kêu gọi đó hướng đến một mục đích gây rối loạn trong địa-phương. Danh từ tôn giáo gọi đó là hiện tượng cuồng tín.

Chính sự thiếu ý thức về tình hình chính - trị và sự chật phác của nông dân. Giáo điều của Phật-Giáo Hòa-Hảo được nhìn thấy qua sự xuất hiện của lãnh - tụ Huỳnh giáo Chủ, một lãnh tụ thần thánh, với nhiều huyền thoại vây quanh đã đánh mạnh vào tâm lý quần chúng qua các kỹ thuật dân vận và những dữ kiện thực tế đã đặt tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo trong vị thế của một tổ chức nhân dân căm thù Cộng-sản như hiện nay.

Mục III

NHÂN DÂN VÀ CÔNG CUỘC BẢO VỆ AN NINH

Ý thức được hiểm họa Cộng-sản trong cuộc chiến tranh mà đối thủ đặt phương châm là "lấy nông thôn bao vây thành thị". Từ năm 1962 vấn đề tổ chức nhân dân đã được chính quyền lưu tâm đặc biệt.

Chính quyền Ngô đình Diệm đã khởi xướng đầu tiên với một kế hoạch đại quy mô và được Quốc hội nâng lên hàng "Quốc sách" vào ngày 17/4/1962. Sự sụp đổ của chế độ Đệ I Cộng-hòa kéo theo sự ta rã của quốc sách "Áp chiến lược".

Những Chính-phủ kế tiếp, mặc dầu phải dồn mọi nỗ lực để ổn định tình hình chính trị trong nước cũng không bỏ quên nông-thôn - ít ra cũng trên hình thức - Áp chiến lược được cải danh thành "Áp tân sinh" dưới thời chính-phủ Nguyễn ngọc Thơ và tiếp tục dưới nội các của Tướng Nguyễn-Khánh. Đến thời nội các chiến - tranh của Thiếu-Tướng Nguyễn cao Kỳ, vấn đề được chú ý hơn qua sự xuất hiện của Bộ Xây-Dựng Nông-Thôn và được thay đổi danh xưng nhiều lần cho phù hợp với hiện tình đất nước.

-DOẠN A . SỰ KẾT HỢP DƯỚI CÁC TỔ CHỨC

I . Tổ chức của chính quyền

Trong nỗ lực bình định lãnh thổ, song hành với các hoạt-động xây dựng và phát triển nông thôn ,nhất là sau biến cố Tết Mậu-Thân. Một phong trào bảo vệ thôn xóm xuất hiện với danh nghĩa tổ chức "Nhân dân tự vệ". Đúng theo danh xưng, tổ chức này được cải thiện lan hồi và hiện giữ một vai trò quan trọng trong lãnh vực bảo vệ an

ninh địa-phương. Theo nguyên-tắc thì mọi người dân đều phải tích cực tham gia tổ-chức này và thành - phần được chia theo hạng tuổi gồm :

- Lão Ông
- Lão Bà
- Thanh-niên, thanh-nữ
- Thiếu-niên, thiếu-nữ.

Ngoài ra tổ chức này còn thành lập các toán có những nhiệm vụ chính như :

- Nhân dân tự vệ nông cốt
- Nhân dân tự vệ chiến đấu
- Nhân dân tự vệ hỗ-trợ.

Thành phần quan trọng trong lãnh vực bảo vệ an ninh là Nhân dân tự vệ chiến đấu. Đoàn ngũ này được tổ-trang và huấn luyện kỹ lưỡng tại các quân trường.

Theo tài liệu của Phòng Nhân dân tự vệ Tỉnh An Giang thì trong năm 1972 tỉnh đã tổ chức được 71.788 đoàn viên NDTV chiến đấu. Trong năm 1973 không dự trù tăng thêm, tỉnh chỉ củng cố tiềm lực của đoàn này.(1)

Tuy nhiên căn cứ trên số lượng chưa đủ chúng ta cần phải căn cứ trên tinh thần hợp tác thật sự của tầng lớp nhân dân.

II Tổ chức của Phật Giáo Hòa Hảo

Việc tổ chức và kết hợp nhân dân của Phật Giáo Hòa-Hảo được thấy qua 3 tổ-chức về quân-sự, chính-trị, tôn-giáo. Trong 3 tổ-chức này chúng ta chỉ chú - trọng

(1) Tài-liệu 1973 của Hội-đồng Bình-định phát-triển -

đến tổ-chức tôn giáo, vì những hoạt động có tính cách thường xuyên và tổ-chức có hệ thống.

1/ Tập đoàn cựu-chiến-sĩ Hòa-Hảo Dân xã -

Đoàn thể này được thành lập do sự khởi - xướng của ông Lâm thành Nguyên vào cuối năm 1963, giữa lúc tình trạng phân hóa của Phật-giáo Hòa-Hảo lên đến mức cao nhất. Tập thể này gồm tất cả những chiến sĩ Phật - Giáo Hòa-Hảo đã từng chống đối bằng vũ lực với Việt-Minh, Thực dân Pháp và chính phủ Ngô đình Diệm.

Ngoài ra người ta còn nhận thấy một tổ - chức khác cũng có tính cách quân sự là Hội Cựu quân nhân Hòa Hảo của ông Trần duy Đôn. Hai tổ chức này, ngày nay đã có khuynh hướng kết hợp làm một khối duy nhất.

2/ Dân xã đảng -

Được thành lập vào ngày 21/9/1946 do Tuyên ngôn của Đức Huỳnh giáo Chủ.

Sau khi Đức Thầy thọ nạn, lực lượng này đã trải qua một thời kỳ thăng trầm và phân hóa. Tuy nhiên, ngày nay đã được thống nhất với 3 hệ phái khác nhau. Dân xã đảng thể hiện cho khuynh hướng hoạt-dộng chính trị của tôn giáo này bên cạnh tổ-chức của giáo-hội.

Tất cả các chiến sĩ của PGHH đều tự coi mình là đảng viên của Dân xã đảng. Đây chính là một ưu điểm khiến cho tổ chức này được vững mạnh.

Cả hai lực lượng trên, mặc dầu có những hoạt-dộng và tổ chức hần hoi nhưng không đi sâu vào quân - chúng như tổ chức giáo sự của tôn giáo mà chúng ta sẽ trình bày dưới đây -

3/ Tổ-chức của giáo-hội -

Trong chiều hướng tổ-chức nhân dân, cơ quan Giáo sự của Phật-Giáo Hòa-Hảo đã đóng một vai trò rất quan-trọng. Sự kết hợp nhân dân của giáo hội chỉ nhằm vào mục đích củng cố giáo-quyền, thống nhất giáo hội xiển-dương giáo pháp (1)

Sau một thời gian âm thầm hoạt động, cơ cấu Giáo hội Phật-Giáo Hòa-Hảo được tái lập và hoạt - động theo điều lệ ngày 19/12/63, kế đến được đổi thành ban hiến-chương ngày 6/12/1964 cho đến khi giáo hội có tư cách pháp nhân do Sắc-luật 002/65 ngày 12/7/65 (2)

Tổ chức của giáo-hội được thành lập giữa các tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo cho đến khi Đức Huỳnh-giáo - Chủ trở về.(3). Vị lãnh đạo tối cao hiện nay của đoàn thể là Đức Bà. Sương phụ Đức ông Huỳnh công Bộ, thân mẫu Đức Huỳnh-giáo Chủ, được toàn thể suy tôn làm Hội trưởng Danh - dự tối cao.

Kế đó là giáo hội trung ương với một hệ - thống trị sự gồm có :

- a) Mỗi tỉnh có một giáo hội Tỉnh
- b) Mỗi quận có một giáo hội Quận
- c) Mỗi xã có một giáo hội Xã
- d) Trong một xã có nhiều ban trị sự ấp
- e) Trong một ấp có nhiều chi hội
- f) Mỗi chi hội kết nạp 15 gia đình tín đồ

Mỗi tín đồ lại có những quyền hạn và nghĩa - vụ được quy định rõ như sau :

(1) Theo Hiến-chương Phật-Giáo Hòa-Hảo ban-hành ngày 15/8/1972 .

(2) Kết-quả thâu đạt của chiến dịch Huỳnh thành Mậu.

(3) Điều 3 Hiến-chương 1972.

a) Về Nghĩa vụ :

- Phải tuân hành nghiêm chỉnh giáo-lý và những giới điều của Đức Huỳnh giáo Chủ .
- Phải thi hành các nghị quyết của giáo hội, luôn-luôn đoàn kết chặt chẽ với các cấp giáo hội để bảo vệ quyền lợi chính đáng của giáo hội .

b) Về quyền-lợi :

- Được lãnh thẻ tín đồ, con em cũng được lãnh nhưng với sự bảo trợ của phụ huynh .
- Được bênh vực khi tín ngưỡng bị xâm phạm
- Được giúp đỡ khi cần, trong phương tiện của giáo hội.
- Được quyền bày tỏ ý kiến về các sinh hoạt giáo-hội.
- Được quyền bầu cử và ứng cử theo điều kiện của giáo hội.
- Được tự ý xin ra khỏi giáo hội.

Ngoài ra khi gia nhập, trong điều kiện tín đồ còn phải đóng nguyệt liễm.

Với hệ thống tổ chức và sự quy định rõ ràng quyền-lợi và nghĩa vụ trong Hiến-chương, Tôn giáo này đã có khuôn mẫu của một đảng phái chính trị và kiểm soát chặt chẽ, phải chăng điều này phát sinh từ quan niệm phối hợp đạo và đời của Đức Huỳnh giáo Chủ. Tuy vậy, yếu tố tinh thần mới chính là một điều kiện để phát triển đoàn thể.

DOẠN B . SỰ ĐOÀN KẾT TỰ NGUYÊN

Mặc dù giáo-hội được tổ-chức tỷ mỉ và vững chắc nhưng sự tham gia của các tín đồ với các cấp giáo - hội chưa được tích cực, nhất là trong giai đoạn không bị áp lực mạnh từ bên ngoài. Nhưng trong hình thái tiêucực này tình hình an-ninh của địa phương cũng được trợ giúp rất nhiều. Sự việc đoàn thể này chống Cộng sản được xây dựng trên 2 lý do căn bản sau -

(A) Trong suốt thời gian mà Việt-Minh (với Cộng sản núp bên trong) nắm chính quyền, ảnh hưởng của các cuộc thủ tiêu chiến sĩ Quốc-gia mà khối PGHH là một thành phần. Các cuộc tàn sát khởi đầu từ ngày 22/8/1945 đã đánh mạnh vào tiềm thức của tín đồ và tạo thành một tiền kiến khó phai với sự hận thù chất cao.

(B) Sự vô hiệu của các cuộc hòa giải giữa đại-diện 3 nhóm là Luật sư Mai văn Dậu (Đồng lý văn - phòng của Đức Huỳnh giáo Chủ)

- Ông Hoàng du Khương (Đại-diện Việt-Minh)
- Linh-mục Nguyễn bá Luật (Đại diện Công giáo)

đã buộc Đức Huỳnh giáo Chủ phải xuống tận nơi để dàn xếp. Lợi dụng cơ hội này Bửu-Vinh (Việt-Minh) đã lập mưu ám hại Ngài lúc 19^h00 tối ngày /16/4/1947. Sự ra đi của Ngài vẫn là một nghi vấn và tín đồ đã buộc Cộng sản vào việc ám hại trong suốt thời gian trông chờ Ngài trở về.

Hậu quả trực tiếp là Cộng-sản đã trở thành kẻ thù không đội trời chung của Phật-Giáo Hòa-Hảo và tín đồ đã trở thành một hệ thống tình báo nhân dân giúp quân đội trong lãnh vực bảo vệ an ninh.

1/ Hoạt-động tình báo nhân dân. (1)

Trong mục đích của sự kết hợp thông liên này các hoạt động của mọi kẻ lạ mặt khi đột nhập vào địa - phương đều bị tin đồ phát hiện và bắt giao cho chính - quyền địa phương. Điển hình là trường hợp ngày 16/6/1972 lúc 5h30 tên Nguyễn Văn Hành, huyện ủy Cộng-sản, hoạt-động ly hương vùng Rừng Tràm, ranh giới hai tỉnh An - Giang và Kiên-Giang đã làm mò về ấp Quy Lân xã Thạnh Quới, quận Thốt-Nốt (AG). Tên huyện ủy này, mặc dù đã giả dạng nông dân, nhưng cũng đã bị đồng bào tố cáo vì thấy y lạ mặt. Nhân dân tự vệ bao vây và bắt sống tịch thu 1 K 54, 1 băng đạn và 1 lựu đạn.

Đây là trường hợp thứ hai kể từ đầu năm 1972, hai tên Huyện ủy Cộng sản đã bị nhân dân bắt giao cho Chính-quyền. Trường hợp thứ nhất xảy ra tại Bình-Phước-Xuân, Quận Chợ Mới.

2/ Hoạt-động trợ giúp quân-đội trong các cuộc hành quân -

Theo tài liệu của phòng II tiểu khu ANGIANG thì trong ngày 13 tháng 5/1969, các đơn vị thám - báo tỉnh phát hiện một đơn vị Cộng sản là tiểu đoàn 502 cơ-động tỉnh Kiên-Phong đột nhập xã Long-kiến quận Chợ Mới An-Giang. Các tin đồ Phật-Điáo Hòa-Hắc đã tận tình giúp đỡ các chiến sĩ của tiểu đoàn 2/15 sư-đoàn Bộ-binh, bằng nhiều phương cách.

a) Cung-cấp tin-tức đầy đủ. (2)

Khi Cộng-sản đến, các thanh niên trai tráng đã bỏ đi và chỉ còn để lại các người già lão. Nhiệm vụ của

(1) Tài-liệu của Ban CTCT Phòng Tâm-lý-chiến AN-GIANG .

(2) Tài liệu của Phòng II Tiểu khu AN-GIANG -

các người này là báo cáo số quân địch cũng như vẽ những sơ đồ phòng thủ của đối phương (điều này là sự tự ý làm không ai bó buộc)

b) Cung cấp phương tiện di chuyển -

Quân xa chỉ chuyên chở binh sĩ trên đường lớn. Nhưng khi truy kích địch nhân dân đã dùng xe gắn máy để giúp binh sĩ di chuyển để tránh từ mặt đường vào gần trận chiến.

c) Tiếp tế thực phẩm -

Binh sĩ tham dự hành quân được đồng bào tiếp đón niềm nở và giúp đỡ thực phẩm dưới hình thức nấu cơm dã thức ăn v.v.v...

d) Tiếp tay chuyển vận đạn dược -

Bằng mọi phương tiện di chuyển có thể có được.

e) Góp ý-kiến trong kế hoạch diệt địch -

Với các sơ đồ phòng thủ đã vẽ của đối phương các bộ lão đã hợp tác với Bộ Tham-mưu hành quân để giúp đỡ các chi tiết trong kế hoạch đẩy lui địch.

Chính Đại-tá Phạm-văn-Mân Tỉnh-trưởng An-Giang khi đi thị sát mặt trận đã phân vân khi bộ Chỉ huy tiểu đoàn đưa ý-kiến của dân chúng yêu cầu cho phi cơ thả bom ngay tại nhà của họ, nơi có Cộng-sản chiếp đóng - để sớm chấm dứt chấm dứt chiến-tranh và quân đội bớt đổ máu .

Dân chúng cũng tỏ ý chấp nhận mọi sự thiệt hại do lời yêu cầu của họ mà có (1)

Với sự tích cực chống Cộng-sản của tín đồ Phật Giáo Hòa-Hảo. AN-GIANG đã có được một bộ mặt khả quan trên lãnh vực an-ninh được mô tả vào hàng đầu trong số 55 đô tỉnh thị xã tại miền Nam Việt-Nam .

(1) Theo Thiếu-Tá Nguyễn-Liên trưởng-khoá C.T.C.T.

Tổng kết

Sự việc Chính phủ Trần-văn-Khuông bị quân đội bất tín nhiệm và giải tán ngày 27-1-1965 sau những vụ biến động chống đối của Phật giáo. Tiếp theo Chính phủ Phan-huy-Suát và sự chống đối quyết liệt của Công giáo đã tổ chức để quân đội trở lại vai trò trung gian để giữ thế quân bình chính trị trong nước. Công thêm vào là những khủng hoảng chính trị trầm trọng đã là nguyên nhân chính cho sự gia tăng các hoạt động xâm phạm đến an-ninh của quốc gia. Sự tham gia của tôn giáo, nhất là việc các nhà tu hành xuống đường biểu tình, đã từng là một vấn đề mà nhiều người công khai chống đối. Quan niệm tôn giáo hoạt động chính trị gần như không được chấp nhận tại Việt-Nam. Những đối với Phật-Giáo Hòa-Hảo thì không ai có thể phủ nhận được công ơn của Đức Khuyết Giáo-chủ trong những cố gắng để thấu hòa độc lập cho Việt-Nam qua một giáo thuyết dung hòa giữa đạo và đời.

1.- NHẬN XÉT VỀ QUAN NIỆM ĐẠO VÀ ĐỐI SONG HÀNH CỦA ĐỨC HUYỀN GIÁO CHỦ

o Đây là một quan niệm tương đối mới mẻ đối với một xã-hội đã từng thừa nhận tư tưởng của Nho giáo, Không giáo như Việt - Nam khi đưa ra một giáo thuyết như trên Đức HCC đã không tiên-liệu trước sự thấu hiểu triết đề đường lối của mình đối với các tín đồ dù là thân cận nhất. Tôn giáo và chính trị là 2 vấn đề khác biệt về mọi phương diện từ mục tiêu, phương tiện đến cả cứu cánh hoạt động. Với khả năng

của một nhà lãnh tụ thân thánh công việc thiết lập một hệ thống dùng một quân đội hùng mạnh khi có liên động, và một tổ chức xã hội thật tinh vi đối với Đức Khuyển Giáo (chủ trương đời không khó khăn lắm). Nhưng đây chính là một vấn đề quan trọng cho những người thừa hưởng di sản do Đức KGC để lại. Ngày nay khi nói đến sự phân hóa trong hàng ngũ nội bộ iGKK người ta thường quy trách nhiệm về sự thiếu thiện chí tham quyền hạn danh lợi của những tín đồ trong nhiệm vụ lãnh đạo. Thật ra không phải đề bênh vực cho những người lãnh đạo kẻ tiếp nhưng bối cảnh lịch sử và hoàn cảnh quốc gia đã là một yếu tố giúp cho Đức KGC thành công trong việc lãnh đạo tập thể này. Trước sự đàn áp của chính quyền Pháp, sự khủng bố của Việt Minh và sự hoang mang của dân chúng Sự xuất hiện của Đức KGC với những kỹ thuật dân vận khôn khéo, đã là nơi nương tựa duy nhất cho số nông dân chần chừ và hiền lành của miền Tây.

II . NHẬN XÉT VỀ TÌNH HÌNH AN NINH TỈNH AN GIANG .

Nhiều người đã ví An-Giang là một hòn đảo hoa bình trong nước Việt-Nam chiến tranh. Với tình hình an ninh tốt đẹp 100% iGKK đã là câu trả lời đúng nhất cho câu ví von trên. iGKK là một tôn giáo chiếm trên 70% dân số, đã là đóng góp chính để cấu tạo nên bộ mặt này. Sự độc tôn của tôn giáo này đối với chính quyền đã làm ngưng đọng xã hội và suy yếu chính tôn giáo đó. Đây là một nhận xét tương đối khá đúng cho An-Giang cho mọi lãnh vực, ngoại trừ lãnh vực bảo vệ lãnh thổ. Với tình hình an ninh như vậy An-Giang đã được coi như là trí điểm của mọi kế hoạch phát triển quốc gia như giáo dục, kinh tế xã hội v.v... Nhưng An-Giang đã làm nhiều người thất vọng khi trực diện tiếp xúc với địa phương này.

Đối lại trái với sự thành công trong lãnh vực bảo vệ lãnh thổ, phải chăng iGKK đã không giúp ích nhiều cho việc phát triển kinh

tế địa phương. Do đó nhiều người đã đưa ra một đề nghị là khuyến khích sự phát triển của một số tôn giáo khác tại An-Giang như Công giáo và Phật giáo, để đẩy mạnh sự ganh đua trong việc tranh giành ảnh hưởng đối với dân chúng tạo điều kiện cho sự phát triển địa phương. Dĩ nhiên ngoài sự cố gắng phát triển của chính quyền.

III.- NHẬN XÉT VỀ TƯƠNG QUAN GIỮA GIÁO HỘI VÀ CHÍNH QUYỀN .

A)- Đối với địa phương :

Với một số tín đồ đông đảo 389.362, giáo hội ALL-GIANG đã đặt chính quyền địa phương ở một vị thế khó khăn trong khi giao tiếp. Sự tẻ nhạt càng nặng hơn nữa khi trong giáo hội có nhiều xu hướng khác nhau. Kinh nghiệm của sự can thiệp vào nội bộ tôn giáo này dưới thời đệ 1 Cộng-Hòa đã làm gián đoạn địa phương phải suy nghĩ, đắn đo khả năng Tự nội an của Tỉnh thường xuyên nhận được một số những truyền đơn của các nhân vật có uy tín trong giáo hội tố giác lẫn nhau. Chính quyền địa phương sẽ phải làm gì với những lời tố cáo này. Dạy thời chúng ta đưa ra 2 giải pháp.

1. Giải pháp thụ động tiêu cực :

Trong tương quan, chính quyền địa phương có thể đóng vai trò động khách quan, mặc cho những tranh chấp, những lời tố cáo, dù những lời tố cáo này được chứng minh bằng những bằng chứng cụ thể. Thái độ tiêu cực này chỉ nhằm mục đích giữ nguyên tình trạng hiện tại của các mối tương quan, nhất là trong vấn đề ổn định địa phương. Sự e ngại này có thể được coi như một thái độ trốn tránh trách nhiệm nhưng cũng có thể là một thái độ hợp lý. Mọi sự kiện đáng tiếc nêu xảy ra đều có thể gây công phản trong tập thể trên và đưa đến nhiều hậu quả rất tai hại

2. Thái độ tích cực :

Để có được một thái độ này chính quyền địa phương phải thi

hành theo một đường hướng do Chính phủ vạch ra.

(a) Gây chia rẽ để dễ chỉ huy. Đứng nhận thấy dưới chế độ Ngô-Đình-Diệm và các Chính phủ kế tiếp bằng cách công khai ủng hộ từng cá nhân. Hậu quả của thái độ này là sự xuất hiện của một số các nhóm tự khai chống đối và có thể đưa đến xáo trộn địa phương.

(b) Khuyến khích sự đoàn kết và thống nhất. Đây có lẽ là một giải pháp hợp lý nhất đối với đoàn thể có tình thần chống cộng, cco độ và có đầy đủ khả năng, tiềm lực để thực hiện điều đó.

Chính quyền sẽ tạo điều kiện cho đoàn thể qua các sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần, đề cửng nhau kiến tạo địa phương và chống lại sự xâm nhập của Cộng-sản.

B)- Trong khuôn khổ một quốc gia :

Mối tương quan giữa tôn giáo và chính quyền trung ương đã được đặt thành một điểm quan trọng sau khi chế độ đệ I Cộng-hòa sụp đổ. Để thống nhất quốc gia vào tạo dựng sự an ninh thịnh vượng cho xã hội, quốc gia đã đứng trước hai giải pháp để áp dụng cho mỗi tôn giáo và nhất là PGKK.

1. Ngăn cản sự bành trướng và ý chí hoạt động.

Đây là đường hướng mà chế độ đệ I Cộng-hòa Việt-Nam đã áp dụng đối với tôn giáo này. Sự kiện xảy ra khi PGKK có một quyết định cứng rắn trước thái độ vô ơn của chính phủ Ngô-đình-Diệm trong công cuộc đấu tranh độc lập của nước nhà. Kế tiếp là các cuộc đàn áp mãnh liệt của quân đội đã làm cho PGKK gần như không còn hoạt động được nữa. Trong đường lối của quốc gia, chính phủ đệ I Cộng hòa đã đề lộ một sự độc tài khi có ý muốn tạo dựng lại Nam Việt-Nam 2 khuyến khích

- Khuyến khích thân chính phủ
- Khuyến khích đối lập

Trong khuôn hướng tạo lập một thành phần thân chính quyền Chính phủ Ngô-Đình-Diệm đã có ý muốn tạo 1 đảng của quốc gia và một tôn giáo của quốc gia. Với khuôn hướng này, tất cả các đảng phái khác ngoài đảng và tôn giáo của chính quyền không một tổ chức nào được khuyến khích phát triển. Sự kiện này dồn những phe nhóm khác vào một lực lượng đối lập với chính quyền. Các tổ chức đối lập nếu bị dồn ép quá mức sẽ bùng nổ để thành những cuộc nội chiến. Tuy thế nếu chính phủ mạnh lực lượng sẽ bị coi là phiến loạn, chính phủ yếu sẽ bị lật đổ và tập thể được coi là đã làm một cuộc cách mạng.

Ảnh hưởng của chính sách này cho ta hai hậu quả :

(a) Trên phương diện thống nhất quốc gia.

Quốc gia sẽ được thống nhất (nếu chính phủ mạnh) sau một giai đoạn đấu tranh đẫm máu. Uy quyền quốc gia được tập trung vào trung ương và có thể đưa đến độc tài. Tuy nhiên chính quyền sẽ phải luôn luôn lo sợ sự bùng nổ của các nhóm chống đối và dễ đưa đến lật đổ chính phủ.

(b) Trên phương diện phát triển dân chủ.

Giải pháp này không ích lợi cho việc phát triển dân chủ vì các nhóm đối lập không tự do ăn kết được và chính quyền cũng không cố gắng giúp đỡ.

Tuy nhiên sự độc tài và dẹp bỏ các đoàn thể nhỏ bé rất hữu ích cho các quốc gia mới thu hồi độc lập. Sự kiện này đưa quốc gia vào một khuôn hướng mới độc tài để phát triển còn hơn là tự do dân chủ để uy quyền quốc gia bị tản rớt qua những đoàn thể nhỏ.

2. Khuyến khích và nâng đỡ phát triển.

Việc khuyến khích và nâng đỡ các đoàn thể áp lực là chủ trương của các quốc gia tiên tiến. Họ quan niệm rằng quốc gia chỉ thật sự có sự tự do khi có tiếng nói của các nhóm đối lập.

Giải pháp này cũng đưa đến hậu quả :

(a) Thống nhất Quốc gia bằng đường lối ôn hòa.

Tất cả các nhóm, đoàn thể tôn giáo và chính trị đều được khuyến khích và nâng đỡ trong chiều hướng thuận lợi cho quốc gia. Sự thống nhất lãnh thổ được xem như nhiệm vụ không phải nhiệm vụ của chính quyền mà còn do các đoàn thể chính trị khác nữa. Nhưng chính sự khuyến khích phát triển này lại đưa đến hậu quả không mấy tốt đẹp là uy quyền quốc gia sẽ bị phân tán và các đoàn thể lớn có thể tạo thành 1 quốc gia trong 1 quốc gia nếu các tập thể này không chấp nhận chính quyền trung ương.

(b) Trên phương diện phát triển dân chủ.

Trong chiều hướng tự do dân chủ một quốc gia phải có tiếng nói của các nhóm đôi lập dù nhỏ hay lớn. Vì vậy khuyến khích hướng này đã được nhiều quốc gia có một nền dân chủ vững chắc áp dụng. Trong đó có nền đệ II Cộng-Hòa, đối với nước ta đây có thể là một điểm sai lầm nếu chính quyền có một thái độ thất tích cực. Nền dân chủ Việt Nam mới được tạo dựng qua 9 năm kể 1 Cộng-Hòa, nền tảng và căn bản lý thuyết chưa kịp đi sâu vào quần chúng đã bị sụp đổ. Kê đó là một thời gian hỗn loạn và việc gia tăng áp lực quân sự của đôi phương. Nền đệ II Cộng-Hòa ra đời trong hoàn cảnh hỗn loạn đó, trong thời gian đầu để thu phục nhân tâm và phát triển dân chủ, chính quyền Việt-Nam theo thiên ý đã có những hành động dè dặt để các đoàn thể chính trị tự do phát triển.

Tuy nhiên một điều chúng ta phải nhìn nhận rằng hoàn cảnh Việt Nam không thể chấp nhận một sự tự do tuyệt đối. Chính vì vậy một đôi khi việc phát triển dân chủ quá mức sẽ đưa đến tình trạng hỗn loạn. Chúng tôi nghĩ rằng sau một thời gian đầu dè dặt với các hoạt động của đoàn thể chính trị và tôn giáo chính quyền trung ương cần phải có những kế hoạch tỉ mỉ để giới hạn bớt một số hoạt động có

hại cho quốc gia đề tiên đến việc phát triển nước nhà.

Đã như vậy một sách lược dung hòa đã được đề ra để phát triển quốc gia trong chiều hướng thuận lợi nhất.

Những cho dù dưới thời đại nào, dưới hình như hướng nào cũng ta phải công nhận là tôn giáo đã đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc bảo vệ và phát triển quốc gia.

Để kết luận chúng tôi xin trích một câu nói của Phạm - Thái (*) khi nhận xét về PGK là như sau :

"Nông dân là thành phần dễ nhiễm độc Cộng sản nhất trong nước. Bằng cách nào, chúng ta đừng tập tễnh phê phán, chỉ nên ghi nhận rằng lãnh tụ họ Huỳnh đã để lại cho đất nước này hơn một triệu người nông dân chống cộng. Đó là một kỳ công vĩ đại trong lịch sử chống Cộng. Bốn phần chúng ta, người đi sau, PGK cũng như không PGK là phải bảo tồn và phát huy di sản đó. Nếu ngày nay còn có mặt giữa chúng ta, thì có lẽ Ngai thích chúng ta theo dấu trên đường chống Cộng cứu nước hơn là thích chúng ta ca tụng : Người quá mức ..."

(*) Chủ-nhiệm Tổng-Bộ Chính-trị - TÂN-ĐẠI-VIỆT.

PHỤ LỤC

S Á C H

- Nguyễn. Quang. Quỳnh Hình ảnh Tổng quát - Sài Gòn - Lửa Thiêng 1973
- Huỳnh. Phú. Sổ Sấm giảng của Đức Huỳnh Giáo-Chủ
Sài Gòn, Tân Anh, 1961
- Vương. Kim Để hiểu Phật-Giáo Hòa-Hảo
Sài Gòn, Long Hoa, 1954
- Nguyễn. Văn. Hậu Nhân thức Phật-Giáo Hòa-Hảo
Sài Gòn, Hương Sen, 1969
- Huỳnh. Giáo. Chủ Sấm giảng thi văn toàn bộ
Sài Gòn, Ban Phố Thông giáo-ly PGHH, 1970
- Francis Story Phật-Giáo với Mác-Kít, Trần. Quang. Thuận dịch
Sài Gòn, Đất tở, 1965
- Waldime Orlando Key Politics Parties and pressure groups, 3rd
edition. New York, 1958.

L U Ậ N V Ậ N

- Lê. ngọc. Điệp Vấn đề tương quan tôn-giáo và chính trị.
Luận-văn, Sài Gòn. Học-Viện Quốc Gia HC - 1968
- Cao. Trường. Sơn Vấn đề tổ chức nông-thôn trong công cuộc bình
định lãnh thổ tại Việt-Nam, Luận văn
Sài Gòn. Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh - 1967
- Trần. Nhật. Thăng Một lực-lượng quần chúng ở Miền Tây. PGHH
Luận-văn, Sài Gòn Học-Viện QGHC 1968
- Mai. Hưng. Long Phật-Giáo Hòa-Hảo, Luận-văn - Sài Gòn
Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh - 1971

T A P C H Í

<u>Tạp san Quốc-Phong</u>	số 1 6 và 22
<u>Nghiên cứu hành chánh</u>	Tập 13 số 2 năm 1970
<u>Đại-Đồng</u>	Giáo Hội Phật-Giác Hòa-Hảo ấn hành 1970
<u>Đại-Học</u>	Viện Đại-Học Huế 1968
<u>Đuốc tử bị</u>	Phổ-thông giáo-ly xuất bản số 1 và 2
<u>Nội-San Tân Đại-Việt</u>	các số 9, 10, 11, 15
<u>Tạp chí Thứ Tư</u>	Số đặc biệt
<u>Tạp chí Hòa-Đồng.</u>	

CÁC TÀI LIỆU KHÁC

- Dụ số 10 ngày 6/ 8/1950
- Dụ số 24 ngày 19/11/1952
- Dụ số 6 ngày 3/ 4/1954
- Luật số 009/69 ấn định quy chế chính đảng
- Hiến-Chương PHẬT-GIAO HÒA-HẢO : ngày 15/8/1970
- Địa phương chí tỉnh An-Giang 1960
- Bảng tổng kết tình hình trong năm 1972 của Tiểu-khu AN-GIANG.
- Các tài liệu về tổ chức Quận Khu và tổ chức hành chánh của Cộng Sản, của Phòng 2 Tiểu-Khu AN-GIANG.
- Kế-hoạch tứ niên cộng đồng tự vệ và cộng-đồng phát triển địa phương AN-GIANG phụ đính an ninh (1972 - 1975)
- Tài liệu về các đảng phái tại AN-GIANG - Phòng Chính Trị - Ty Nội An Tòa Hành Chánh AN-GIANG.

